

Sách do Bác Sĩ Hà Ngọc Thuần
QY13HD, Úc Châu 17 Feb 2015
biểu Quán Ven Đường

74
Linh

Di-cảo Cụ Minh-Viên HUỖNH-THỨC-KHÁNG

BỨC THƯ BÍ-MẬT

CỦA
CỤ HUỖNH - THỨC - KHÁNG
TRẢ LỜI
CỤ KỲ-NGOẠI-HẦU CƯỜNG-ĐỀ

năm 1943

(Lịch-trình cách-mạng Việt-Nam trong thời-kỳ thuộc Pháp)



— HUẾ —
ANH-MINH XUẤT-BẢN
1957

Hãy xem :

Việt - Phân

(Lịch - sử cách - mạng của Cụ
Sào-Nam do tay Cụ viết lại)

GIÁ : 60\$00

Đề rõ cuộc đời 20 năm bốn
ba cách - mạng của Cụ Sào-
Nam trên 20 năm ở hải-ngoại

Hãy xem :

*Việt - Phân 15 năm bị
đốt ở Huế*

của ANH-MINH GIÁ : 25\$00

Đề rõ Cụ Sào-Nam 15 năm về
ở Huế cho đến ngày từ trần

THƯ TỬ ĐỀ :
Ngô-Chánh-Nhân
Hộp thư : 59
HUẾ

In tại nhà in Khánh-Quỳnh — Huế
Kiểm-đuyệt số 3058 ngày 9-4-1957

Giá : 20\$00



Di-Cảo Cựu Minh-Viên HUỲNH-THỨC-KHÁNG

BỨC THƯ BÍ-MẬT

CỦA

CỰ HUỲNH - THỨC - KHÁNG

Trả lời

CỰ KỶ-NGOẠI-HẦU CƯỜNG-ĐỀ

NĂM 1943

(Lịch-trình Cách-mạng Việt-Nam trong thời-kỳ thuộc Pháp)



— HUẾ —
ANH-MINH XUẤT-BẢN
1957

LỜI NHÀ XUẤT-BẢN

Kỳ-ngoại-Hầu Cường-Đề, một bậc chí-sĩ cách-mạng, vượt cảnh phú-quý an-nhàn để theo lời kêu gọi của Cụ Sào-Nam, băng mình qua Nhật-Bản năm 1906, hô-hào cách-mạng, quốc-dân không ai không biết. Tiên-sinh đã du-lịch khắp các nước Á-Âu và bỏ mình tại đất người năm 1951.

Nhờ ơn các bậc tiền-bối hy-sinh vì nước, chính-phủ thể theo thiện-ý của Ngô Tổng-Thống, nên đã cho rước di-cốt tiên-sinh từ Nhật-Bản về Huế ngày 12 tháng giêng năm 1957, nêu cao tinh-thần hy-sinh vì dân-tộc của Tiên-sinh.

Tiên-sinh nuôi chí báo cừu cho đến ngày cuối cùng, mấy chục năm cũng như một ngày: sau khi Cụ Sào Nam bị bắt về nước, Tiên-sinh du-lịch qua Âu-châu, rồi quay trở về Đông-kinh, lăm lòng ưu-quốc không lúc nào nguôi. Những sự giao-thông tin-tức bí-mật giữa Tiên-sinh với các Cụ Sào-Nam, Huỳnh-thúc-Kháng, nhờ nơi báo TIẾNG-DÂN làm môi giới, với cái tên Nhật « Minami » (泉) người ngoài không làm gì được biết.

Năm 1943, nhân tình-thế trong ngoài nước biến-chuyển, Tiên-sinh từ Nhật-Bản gửi về cho Cụ Huỳnh-thúc-Kháng một bức thư bằng Hán-văn (nhờ tòa Lãnh-sự Nhật

ở Huế chuyển giao), nói về việc cứu nguy cho dân-tộc, Cụ Huỳnh phúc đáp kể rõ tình-hình hiện tại trong nước và trình bày những phương thuốc bổ cứu, nhờ ông ISHIDA, Phó Lãnh-sự Nhật lúc bấy giờ chuyển-đạt (Ông ISHIDA hiện nay là Cố-vấn tòa Đại-sứ Việt-Nam Cộng-Hòa ở Đông-Kinh). Bức thư ấy, năm 1945 Cụ Huỳnh có dịch ra quốc-văn và nhà in TIẾNG-DÂN đã trích một đoạn xuất-bản, còn toàn bản, cả chúng tôi thu-giấu được cho đến ngày nay. Nay nhân chính-phủ Cộng-Hòa Việt-Nam rước đi cốt Kỳ-Ngoại-Hữu-Tiền-sinh về nước, chúng tôi cho ra bức thư này cùng một tài-liệu quý-báu về lịch-trình cách-mạng của dân-tộc ta trong non nửa thế-kỷ thuộc Pháp về trước, đồng thời được biết lòng hoải-bảo và chổ mình đạt của bậc chí-sĩ lão-thành (67 tuổi) cùng sự hoạt-động của Kỳ-Ngoại-Hữu-tiền-sinh không lúc nào ngừng. Còn về lịch-sử Tiên-sinh chúng tôi đã cho ra quyển CUÔNG-ĐỀ năm 1951, và gần đây ông Trạng-Liệt (trưởng-nam Tiên-sinh), đã cho ra quyển tự truyện Tiên-sinh.

Bức thư này lúc bấy giờ nếu rũi tiết-lộ lọt vào mắt bọn Thực-dân, độc-giả hân cũng biết số phận của tác-giả đã ra thế nào.

Hạ Đình-Dậu (1957)
ANH - MINH

LỜI TỰA

Tuổi già việc bận, cảnh nhộn người ồn, dưới ngọn đèn dầu lửa nhỏ xưa, thảo bức thư này trải trên một tuần mới xong. Ngồi kiễm lại thì thấy bới chổ này gạch chổ kia, rơm rác dầy trên mặt giấy. Khờ vì không có ngày giờ rảnh, không kịp sửa chữa nhuận chính lại. E rằng trả lời chậm trễ, phiền lòng trông đợi, vội vàng viết được một bản (chưa có bản khảo) dâng lên trình xem.

Tự biết văn nhiều hại chất, nhánh nhiều che gốc, không đủ đáp lại cho xứng đáng với cái thâm ý bậc cao minh đã dù lòng cúi hỏi đến, song có chút dám tin chắc là :

Đương giữa khoảng giao-thừa mới cũ dè dút dờ nổi này, lớp già tiêu mòn, ít ai nhắc lại việc cũ, lớp trẻ phù-tháo thấy gần biết cạn, tin theo sách người ngoài một cách khinh suất (như sách người Pháp nói chuyện Việt-Nam, chỉ thấy một mặt v.v...) đối với cận-sử nước Việt-Nam từ 80 năm lại đây cùng tình-trạng hiện tại trong nước, không khỏi có chổ ngăn che cách biệt không phù sự thực. Đồng-bào trong nước, ngoài biên đề lòng khảo-sát, muốn hiểu rõ chân-tướng bề

trong như lối « dè mắt tìm nơi đồng-nội » của người xưa, thì những tài-liệu đút sót linh-tinh góp lại trong bức thư này, không phải không có điều bổ ích chút đỉnh, mà các quân-tử nước Phù-Tang có cùng ý muốn ấy, hoặc có thể cung một viên đá mài ngọc ở núi khác chăng.

Ngày mồng một tháng giêng năm Quý-VI (5-2-43)

Người viết thư :

Lão-thơ-sanh : MÍNH-VIÊN

Phụ : Giải nghĩa đề trên :

Cụ Phan-Thanh-Giản, sau Nam-kỳ thất-thủ, tự xưng là « Hải-nhai Lão-thơ-sanh », mà trong bản « Việt-Nam vong-quốc-sử », Cụ Phan-bội-Châu xưng người ủy-mạng cho đi, gọi là « Quốc-trung trưởng-giả ». Vậy trong thư này xưng hô « Trưởng-giả », Thơ-sanh » là theo bậc tiên-tân vậy.

BỨC THƯ KÍNH ĐÁP LỜI ỦY-VẤN

CỦA VỊ TRƯỞNG - GIẢ QUỐC - BẢO NGOÀI BIÊN

ĐOẠN THƯ NHỨT

Kính đáp lời ủy-vấn

Nhục cho bức thư thăm hỏi ân cần và ủy-thác tâm-sự, tôi rất lấy làm cảm-động và hồ thẹn.

Thư viết ở Đông-Kinh ngày 15 tháng 6 dương-lịch 1942 mà đến trung-tuần tháng 12 âm-lịch năm Nhâm-Ngo mới đến tay tôi. Ở đời đường thủy, đường lục và trên không, diễn-tiến truyền-đệ mau chóng như ngày nay mà dân-tộc sa sút lại sau, người trong nước cùng người biển ngoài muốn thông nhau một cái tin, quanh-co chậm trễ như thế, rõ là điều đáng buồn! Một tấm lòng đã soi nhau, dầu ngoài ngàn dặm, không khác gì gặp mặt, kính chúc Trưởng-giả gắng sức bảo trọng và chúc anh em tả hữu được khương-hảo.

Vì mối quan-hệ của tổ-quốc, tiên-đồ hạnh-phúc của quốc-dân cùng bạn thân-giao với hai bậc đại lão ái-quốc tiên-thời (Cụ Sào-Nam cùng Cụ Tây-Hồ), mà Trưởng-giả cùng tôi có một duyên « tương tri chưa gặp nhau », đến nay đã 38 năm! (đầu từ năm 1904).

Trong mấy mươi năm ấy, một người thì tách xa

ngoài muốn dậm bề khơi, một người lại sa mình dưới
địa ngục mấy tầng, hình cách thế ngăn, tin tức không
thông nhau. Kể sống sót trong vòng xiềng xích này, tự
nghĩ trọn đời mãi thế, không mong có cái ngày mà hai
bên cách mặt lại được giải lòng cùng nhau!

Nhịp đầu thanh linh, ở Nam-kỳ có chuyện « cáo quay
đầu về gò đất cũ » (Cụ Phan-châu-Trính ở Pháp 14 năm,
về chết tại Saigon năm 1925 - 26); lại thanh linh ở Kinh-
đô Huế có chuyện « chim trở về ổ nhành nam » (Cụ Sào-
Nam trở về Bến-Ngự). Nhân đó tôi mới xây « ổ kén buộc
tằm » ở đường Đông-Ba (1) Huế (công-ty nhà in và báo
TIẾNG-DÂN).

Trên mười mấy năm nay, ở giữa chồ trời gai đất
gốc, đây mặt bụi đen, một trường say ngủ, lưa có hai
lão bạc đầu, có đôi bạn khôi lẽ loi, sớm chiều cùng
qua lại nhau, mỗi lần nhắc lại chuyện cũ là mơ tưởng
đến xứ Bồng-lai, tấm thân khi nào cũng lẫn quần bên
Trưởng-giã.

Bởi ngày nay mà nhớ lại ngày xưa, hai bạn già
cùng nhau suy nghĩ, không có việc gì mó tay vào được,
trừ ra có một việc là: trong đám tro tàn giữ gìn một
đóm lửa « nhiệt-thành ái-quốc » của đồng-bào, mong kéo
dài ra, có một ngày thổi cháy lại, hoặc giả trời già theo
như ý nguyện « người Á-châu của người Á-châu », chống
gậy lại sang nước Phù-Tang, hỏi thăm bạn đồng-bào
kiều-ngụ bên ấy có còn ai không? và dấu in móng Hồng
như « Bình-ngọ-hiền » (2), mộ Trần-Đông-Phong (3), tấm

(1) Nay đường Hàng-Bè.

(2 - 3) Xem quyển « Tự Phán » của Cụ Sào-Nam đã xuất-bản.

bìa Thiện-Vũ Hỷ-Thái-lang (1) v.v... để tỏ chút lòng
thành « uống nước nhớ nguồn », ngoài ra không có hy-
vọng gì khác.

Rủi thay ! Thời-cơ vừa mới xoay thì Cụ Sào-Nam
bệnh già qua đời mà tôi thành lẽ loi chiếc bóng, trong
cảnh mờ-côi lại mờ-côi thêm, một tiếng khóc dài gần
đứt hơi thở, nghĩ rằng trong đời không còn kẻ tri âm,
muốn đập nát đàn cầm đã mấy lần (1939, 40, 41).

Đứng giữa lúc dầy trời đông sấm, bốn phía quanh-
hiu, tự khóc tự cười, dở sống dở chết, bỗng tiếp được
thơ ngoài biển khơi từ nơi Trưởng-giã gửi đến. Rửa
tay mở thơ đọc đi đọc lại, giấy vẫn tình dài, mừng
trọng nhìn thấy khối lòng ái-quốc của Trưởng-giã,
khăng khải kích phát một cách nồng nàn, so với ngày
mạo-hiêm xuất dương, một chiếc thuyền tếch ngay sang
nước Mặt-trời-mọc lúc xưa (1906) không kém chút nào,
tôi lấy làm cảm-xúc hết sức.

Tôn-ý trong thơ, tôi đã lãnh lược cả, Duy gọi tôi
khai chữ « Hiền khanh » cùng ủy-thác mọi việc « liên-lạc »
và « sào mùi » v.v... Tự xét tuổi già tài kém, không lấy
gì đáp lại, lấy làm hổ thẹn: trước hết định giữ thái-dộ
tĩnh-mặc; thăm nghĩ lòng suy một hồi lâu, một tia điện
sáng đầu trong đầu óc dội ra, trông lên ngó xuống dưới
một bóng đèn, tưởng tượng như có trăm vị thần linh ở
trên, cùng vong hồn của ức muôn đồng bào ái-quốc, nhóm
lại chung quanh mà ban lời mắng trách nghiêm-trọng:

« Mầy dẫu bất tài cũng là một trái lớn còn sót sau

(1) Xem quyển « Tự Phán ».

mùa đông, đối với nước Tô cùng chung một giây quan-hệ, hưởng gặp khoảng thời-cơ « ngàn đời một thuở » này mà quên lãng cái nghĩa-vụ một phần-tử « kẻ thất phu có trách nhiệm » cùng « bạn bè với đồng-bào » hay sao ?

Một tiếng sư-tử vừa gầm thì muôn mối ruột tâm đều bùng ra, không tự ngăn được, cầm bút viết những điều trong đáy lòng muốn nói, thay cho bức thơ trả lời, trộm dựa vào cái nghĩa « cử những chỗ mây biết » của Cụ Khổng-Tử, một bầu máu nóng rưới ra mực đậm ngàn giòng, Hoàng-thiên Hậu-thổ hãy soi lòng cho. Ngu chăng ? Diên đại chăng ? Có một điều được gì trong muôn ngàn điều chăng ? Tôi không tự biết, chỉ trông anh em đồng-bào trong nước và ngoài biển cùng các bậc người quân-tử nước Mặt-Trời biết nước Việt-Nam này còn có tên thơ-sanh già là tôi, dung thứ chỗ nói cuồng poi quấy mà chọn lật lấy những điều có thể chọn lật được, tôi lấy làm minh-cảm vô cùng.

ĐOẠN THỨ HAI

Tổng đáp đại ý trong thơ

Trong thơ có nói « liên lạc », « hy-sanh », « sào mui » cùng « lạc-quan, thái-bình » v.v... Tôi đối với tình hình nước ngoài cùng việc ngoài bể, bên kia sông, chưa hiểu rõ được bao, mà xem đi xem lại trong thơ của Trường-giã, hình như cách-biệt nước nhà đã nhiều năm, đối với tình-hình trong nước, không khỏi có chỗ ngần lấp ;

hơn nữa bọn kia (người Pháp) sở trường cái ngón « thả mù tuồn máy », trăm cách che dấu sự thật, cái chân tướng ở trong không sao tỏ ra ngoài được. Xin nói thực-trạng :

x^xx

Dĩ vãng và hiện-tại

Hiện trong nước bọn tiên-thời cũ còn sót lẻ tẻ như sao buổi mai, không kể bọn thay mặt đổi lòng, tức có kẻ sau trận đau rồi còn ghi nhớ sự đau, vẫn giữ tấm lòng như xưa, song vì hoàn-cảnh ác-liệt, sanh kế khuôn-bức, nên nếu tạm được yên trước mắt là giữ lấy cái thái-độ quan-vọng. Tự trung cũng có đôi người chí-khí còn quật-cường như xưa mà tên họ đã ghi vào sổ đen, mang cái dấu vết hiềm-nghi, thành ra cái quái-vật đáng ghê tởm trong xã-hội, không ai dám lại gần. Bởi thế hạng khá còn sót này, sanh-khi đời dưỡng chỉ lura cái nóng tinh-thần trống không, không có thực-lực gì.

Đến như bọn từ trong trường học « nô lệ » đúc ra, lớp cao chiếm được cái địa-vị « quan lớn bằng nhiều », thời thời dựa hơi lỗ mũi kẻ khác, sợ được sợ mất, nếu làm cách gì mà giữ được cái hà-bao thì không việc gì mà không làm.

Thứ nữa bọn viết thuê nói mướn, mãi-biện kế toán trong trường quan-lại hay nhà buôn kiếm được cái ghế có bát cơm, đã lên mặt tự đắc, ăn uống sung sướng, áo quần bảnh bao, ngoài bộ mặt « văn-minh » ra không có tư-tưởng gì.

Thứ nữa phần đông bọn tuổi trẻ biết gần, những thuyết « tự do bình đẳng », « duy vật » đã trước thối vào làm « Chủ-nhân-ông » trong óc thời thời say đắm cái bã vật-chất, tiếm-nhiệm lấy cái độc tiểu-thuyết lãng-mạn, xem luân-lý như rơm rác, chê đạo-dức là hủ-mục ; thậm nữa truyện phong-tinh phụng làm sách tổ-truyền, tuồng trắng gió chuông làm quốc-túy, sẩy chân sĩa bước, nối gót nhau sa vào vực truy-lạc.

Trong đám thanh-niên vẫn có một đôi phần-lữ ưu-tú, bị cái phản động-lực sau cuộc Âu-chiến (1914-1918) xô đẩy, người thì nhận là tin-dờ Mã-Khắc-Tur, kẻ thì xưng là học trò Lê-Ninh, mỗi người đều võ ngực phò là anh-hùng, đồng-chi khắp ngoài bốn biển, một lầm với phong triều bề ngoài, hai bị lầm khêu dục ở trong nước (có người Pháp thò tay vào cho bùng ra), theo mù chạy quấy, bị tội tù dày giết, gần nhốt vào một lưới mà quét sạch (1930-1936), có kẻ lọt ra ngoài lưới tội tù, đã trải qua sụp ngã nhiều phen, như giấc mộng mới tỉnh, dần dần quay đầu lại mà mù mờ ngỡ ngác, chưa nhận ra đường nào mà đi.

Tình-trạng dĩ-vãng, đại-khái như đã nói trên.

Đến hiện tại lại càng sa, càng thấp hèn hơn nữa : vọt, banh khoe giỏi, xe đạp đua tài, đã là sự nghiệp anh hùng tột bực, mà ngoài ra không phải bàn nữa.

Đến cái thủ-đoạn chia rẽ của người Pháp lại càng hiểm ác đáo đẽ, khiến cho cái khoảng giữa « tân và cựu » « già với trẻ » cách biệt nhau thành cái hào rất sâu

không sao gần gũi dung hợp được. Xem như Cự Sào-Nam về nước, trải trên mười mấy năm mà một chắc thản mồ-côi vẫn mồ-côi, chưa nói chuyện khác. Núi Ngu-Son không phải không có cây tốt, mà nay trọc trơn như thế là do mấy mươi năm nay búa rìu của tay thợ ác hằng ngày chặt phá thành ra núi trọc đó. Vậy nên giữa hiện trạng nước Việt-Nam ngày nay mà nói liên-lạc nhân tài cũng như gieo giống lúa vào đám ruộng cỏ lan rậm rạp, tưới nước trong vào cái ao bùn rác chất chừa dơ bẩn, mà mong có hiệu-quả trong mai chiểu ; dầu có người đàn bà khéo giỏi đến đâu, không gạo cũng không sao nấu ra cơm được.

Tình-trạng dĩ-vãng và hiện-tại nói trên, kẻ thức giả đều than dài, không phải lời nói « bi-quan » riêng một mình tôi, nên tôi không cần dấu che để dối bậc Trưởng-giả. Song le đối với hiện-tại và tương-lai mà tôi trước sau vẫn ôm mối hy-vọng cho đến một hơi thở còn ngày nào là nuôi ngày ấy, không chịu giữ cái thái-độ « tiêu-cực ». Vì theo chỗ suy-trắc trong tâm não cùng một ít kinh-nghiệm trên lịch-sử, tôi có một điều xác-tin mà ngày nay đã thấy trung-triệu :

« Nhân-tài vì dùng mà sinh ra, vì không dùng mà tiêu-diệt đi ». Tôi tin câu danh-ngôn ấy đã lâu. Xưa nay bậc anh hùng tạo thời thế vẫn không thường có, nhưng hàng anh-hùng do thời-thế tạo nên cùng bọn anh-hùng không tên trong rừng sâu, ngoài đồng-nội, không xứ nào không có. Non sông Hồng-Lạc này, núi cao nước sâu không hề thay đổi, khi thiêng chất chừa ngày nay vẫn

như xưa, dân-tộc con Rồng cháu Tiên, chiếm cái vinh-đự « ngàn năm văn-hiến » trên lịch-sử Á-Đông, đánh quân Tống, đuổi quân Hồ-Nguyên và đồng-hóa cả dân-tộc Chiêm-Thành cùng Thủy-Chân-Lạp. Võ-công hoành-liệt và sức-hấp-dẫn mạnh mẽ là đường nào, trên sử-sách còn chói soi như việc trước mắt. Con cháu giòng-thần-minh một mạch cùng truyền, há là người bỏ đi cả sao? Khốn vì hoàn-cảnh ác-liệt, không khí ô-trọc độc-hại bao bọc áp bức bốn phía chung quanh, bao-nhiều thứ giống tốt bị chặt phá vùi dập nên không trỗi-lên được đấng thời. Nếu một mai giữa đất bằng thanh-không mà có một tiếng nổ đùng, hiện ra một trận gió to thổi bụi, sấm sét quét mây, làm cho non sông đổi sắc, yêu ma dẹp bóng, bao-nhiều hang hùm ổ rắn, hầm chuột ngách chồn, nương dựa ẩn núp trong và ngoài trên mấy mươi năm nay quét sạch sành sanh, thì vùng mặt-trời dọi khắp một phía, muôn vật tươi sống; trận mưa đông-rười-xuống, trăm bông đua nở. Dưới quyền trung-ương chân-chính đã thống-nhất, người nước đều vui lòng ra đùng, kẻ mạnh ra sức, người khôn dăng mưu, theo tài mà đùng, tưởng cũng không thiếu. Duy cần nhất là tay-chủ-tri cùng một ít nhà cao-cấp khoa-học chuyên-môn, hoặc có thiếu người, mà đã là một phần-tử trong vùng trật-tự mới Đại-Đông-Á thì nhà Đại-Nhật-Bản giúp sức vào, tưởng không lẽ hẹp hòi gì với ta.

Điều tôi nói trên tuy là lời dự-trắc theo ý-kiến riêng tôi, song không phải là không có thực sự làm bằng chứng: trên mấy mươi năm nay, bao-nhiều bộ-phận các cơ-quan trọng-yếu trong nước, đứng chỉ-huy chẳng qua 5,3, người

Áu, ngoài ra chia đường giúp sức, đa số đều là người nước Việt-Nam chúng ta cả. Trong bọn ấy vẫn nhiều tay tránh hồ, song không phải không có một số ít — rất ít — mình làm tôi nhà Hán, mà lòng vẫn không quên nước-Hàn (như Nguyễn-trọng-Hiệp, Trần-dinh-Phác, gần đây như Nguyễn-hữu-Bài v.v) dấu mình đề chờ cơ-hội; khổ-vi ở dưới cai thế đè ép đã lâu và trung với áo cơm không làm sao dặng, đành phải chịu vậy đó thôi.

Một mai mà có cuộc xoay chuyển, thay châu đổi chợ, thì nhân tài nước Sở mà nước Tần dùng, đại với nước Ngu mà khôn với nước Tấn, xoay một cái trở nên người giỏi; đội quân dưới cờ Đại-Thống-Soái Quách-Từ-Nghi, dùng Lý-trung-Bật thay chức Thống-Soái mà cơ-xý đổi sắc, hiệu-lệnh nghiêm minh, nghiêm-nhiên thành một đạo quân mới tinh. Đó là cái chứng « đổi tướng không đổi quân », gương trước rõ ràng, đó là nước cờ cơ-cảnh nhứt trong cuộc, cũng là nước cờ trước nhất. Xưa nay trong khoảng đổi cũ thay mới, dùng oai hơn dùng ái mới làm nên việc (uy khắc quyết ái nãi hữu tế 威克厥愛乃有濟) mà trừ kẻ cũ-khôi, tha kẻ hiệp-tùng, tự-nhiên thu cái hiệu-quả « cỏ bằng sanh trong đám cây dâu, không cần đỡ mà nó tự đứng thẳng (bằng sanh tang trung, bất phù tự trực 蓬生桑中不扶自直). Huống chi nhà binh lúc cần dẫu kẻ tham kẻ trá cũng sai khiến được là việc thường. Duy cần yếu nhất là nước cờ « cơ-cảnh » hạ cây cờ nhà Triệu xuống mà dựng cây cờ nhà Hán lên (thụ Hán xi dịch Triệu xi 豎漢幟易趙幟), phải tay thủ đoạn lão luyện

mới làm nổi, không phải bọn người sanh sống không thạo việc binh mà làm được việc ấy.

Vả chẳng tôi còn có chỗ chưa hiểu là thuyết « đứng mũi chịu sào ». Xưa nay công việc hàng-hải tất cần có tay thạo nghề, mà tài liệu nhu cầu trong tàu chính bị ra sao? Phương-hướng tấn-hành và địa-diểm qua lại, hạ neo đỗ bộ nơi nào? Chủ thuyền cùng tay lái phải trù tính trước mà bọn cầm sào đứng mũi nghe theo lệnh người chỉ-huy. Vậy người trong tàu ấy phải không nói mà hiểu nhau mới mong nên việc. Không thế, sóng gió ngoài khơi, lối gành nơi lồi nơi sững, ẩn núp khó dò, mà nếu hiểu lầm một tý là sai một ly đi một dặm, đi hại không phải là ít. Ba mươi năm lại đây đồng-bào ta hy-sinh vì nước đã nhiều phen không phải một lần, mà chỉ là chuyện « hoa Quỳnh nở trong một chốc » (Quỳnh ba nhất hiện 曇花一現). Tại sao? Chỉ tại trước việc không dự-bị sẵn sàng cùng sau lưng không có gì làm hậu-thuần. Nay xem như trong thơ đã nói thì thành-toán đã sẵn, kế hoạch đã định trước. Tôi đối với việc binh vẫn là người đứng ngoài cửa, không dám bàn suông trên mặt giấy, duy có công hiệu đôi câu danh-ngôn đời xưa : « biết mình biết người » (tri kỷ tri bỉ 知己知彼), « quân ra đúng luật » (sư xuất dĩ luật 師出以律) e lời sao có nhảm tai bặc cao-minh chẳng.

x*x

Đáp đoạn cuối cùng trong thơ

Trong thơ, đoạn sau có bảo « như yêu-cầu điều gì cứ nói ngay, không ngại gì .v.v.»

Trước 30, 40 năm kia, đương lúc thế-lực Âu Mỹ

tràn ngập phương Đông, Việt-Nam nước chúng ta nằm co dưới bàn chân sắt cường-quyền người Pháp, bóm mặt màn đen, vượt biên ra ngoài lại là điều luật cấm rất nghiêm-nhật, mà cuộc « Nhật — Nga chiến tranh » (1904), ảnh-hưởng vang dội đến nước chúng ta, đã xác nhận Nhật-bản là vi cứu-tinh có một không hai; sẽ cỡi ách nô - lệ Âu - Mỹ cho giống da vàng; tặc mình mạo-hiêm, một chiếc thuyền vượt thẳng sang tận xứ Phù-Tang, đem tình trạng thảm khổ nước nhà tỏ bày với Thượng-quốc. Theo gương xưa như Thán-Bao-Tư, tời nước Sở sang cầu cứu khóc nơi sân vua nhà Tần. Tuy thời cơ chưa đến, thêm chỗ quan-hệ đến quốc-tế, nhà Tần chưa ca bài thơ Vô-Y (1) xuất viện-bình giúp Sở, mà dưới địa-ngục hắc ám mấy tầng được trở ra một sợi bóng sáng, người nước ta lần lượt nổi gót sang đất Phù-Tang, phong-triều Đông-học rung động khắp cả nước. Về việc tìm học lại được các nhà đương cuộc yếu-nhân cùng các quân-tử Nippon giàu lòng hào-hiệp, tán-trợ khá nhiều, như Đại-Ôi Trưng-Tin, Khuyển-Dưỡng-Nghi, Bá-Nguyên Thiện-Vũ Hỷ.Thái-Lang vân vân... các nhà danh-nhân cùng cái tên « Chấn-Võ Học-hiệu », « Đông-Á Đồng-văn » in vào gán óc người Việt-Nam chúng ta, đến nay còn bàn nói nhắc nhở không dứt (2).

Hướng chỉ gần đây từ cuộc chiến tranh « Đại-Đông-Á, » mở màn, mới một năm, bao nhiêu nơi căn-cứ quân-sự của Anh-Mỹ lần lượt quét sạch (Tân-Gia-Ba, Diên-Điện, Phi-luật-Tân, Nam Dương quần-đảo .v.v.) Đông-dương đất thuộc-địa Pháp, Hoàng-quân Nippon cũng đã

(1) Vô-Y = có ý nói sự đồng tâm nhất trí.

(2) Xem Tự-Phản,

chiếm các yếu-diểm, chặn họng dè lưng, đại-biêu Thiên-Hoàng ở gần bên cạnh, vùng Mặt-trời với xứ Trường-An này, chỉ trong gang tấc. Tôi một người dân Nam-Việt, không phải cây đá, lòng nào giữ cái thái-dộ trầm mặc, dầu không như ngựa già nằm chuông hý lên một tiếng, há lại không vì chỗ đau khổ của đồng-bào một chết một sống, ngắc đầu lên kêu dài một hơi dài sao?

Song tôi sở dĩ trú-trì thận-trọng là vì từng đọc cận sử Nippon, phạm việc ngoại-giao và quân-sự, trước việc đã dự trú hẳn hoi, điều-tra khảo-sát, trăm việc không hở một điều gì. Nay đối với tình-thế nước Việt-Nam chúng tôi hẳn đã thấu rõ mười phần, xấp mấy điều biết của người nước chúng tôi. Và lại tôi dễ lòng xét kỹ thái-dộ các nhà đại-gia ngoại-giao, quân-nhân và chính-trị Nippon về chính-sách đối với Đông-dương, trong thời-kỳ chiến-cuộc kéo dài này, hình như còn giữ cái ý-kiến « Duy-trì hiện-trạng », ý-kiến tôi e không hợp thời, và hoặc giả có chỗ phòng ngại đến những quy-trình đã dự-định, nên tôi phải trình-trọng không dám bày tỏ một cách đường-dột.

Nay thì thời-cơ đã bức xúc đến nơi: dân Việt-Nam đã lâm vào cái tình-cảnh nguy-ngập không thể chờ đợi ngày nay ngày mai nữa. Ông già 67 tuổi đầu, ngọn đèn trước gió cùng tờ báo TIẾNG-DÂN, gạo giã gạo kiệt, đinh-bản nay mai, đến sa vào cái tình-thế « gấp rút không thể chờ lâu », vừa tiếp được bức thư của Trương-giả, máy diên trong não tôi bị xô đẩy một cách quá mạnh, bao nhiêu dấu vết đã in trong bộ não cả cũ lẫn mới đều hiện ra một trật, xin ráp thành tập-bổn như dưới:

Điều ấn-tượng mới



ĐOẠN THỨ BA

**Xứ Việt - Nam với vùng thịnh - vượng
chung Đại - Đông - Á trên nền trật - tự
mới cùng thực - trạng khốn khổ hiện-tại.**

(Dưới này có giới thuyết trước nên thanh-minh: « Đông-Pháp », « Đông-Dương » là danh-từ người Pháp quen dùng, gồm cả Lào, Cao-mên, Quảng-châu-Loan vào trong, tôi, quốc-dân nước Việt-Nam, xin nói nước Việt-Nam).

Một cơn giận phăng dậy, đứng ra khai-chiến với Anh-Mỹ, « trận Chiến-tranh Thái-Bình-Dương » này, mục-dịch độc nhất là kiến-trúc một nền trật-tự mới Đại-Đông-Á giải phóng cái xiềng-xích Anh-Mỹ cho các dân-tộc Á-Châu, lập thành « Vùng thịnh-vượng chung ». Huấn-lệnh Thiên-Hoàng cùng các nhà yếu-nhân đương-cuộc các giới Đại-Nhật-Bản đã tuyên-agon, nhân-sĩ cả thế-giới đều nghe biết, không chỉ dân giống da vàng Á-châu. Hơn nữa, cái phạm-vi vùng thịnh-vượng chung Đại-Đông-Á mà nét bút đã vạch rõ, nước Việt-Nam chúng ta ở trong phạm-vi ấy, không điều gì nghi ngờ nữa. Mà điều cảm-kích nhất là tư-tâm của Thiên-Hoàng

cùng thắng - toán của Hoàng-quân, đối với một cõi Đông-dương, chỉ dùng chiến-lược ngoại-giao mà không dùng võ-lực; biện chiết trong liệc trà chén rượu mà ngồi thu cái công-hiệu mau chóng, « không đánh mà quân người chịu khuất phục », khiến cho toàn cõi Việt-Nam được ra ngoài vòng lửa binh và chiến-tuyến, so với các xứ Phi-luật-Tân, Diến-Điện, Mã-Lai .v.v.. là nơi trận địa, Việt-Nam được có cái may phúc ấy rất lớn. Dân-tộc Việt-Nam ngày sau này được làm một phần-tử mạnh mẽ trong vùng thanh vượng chung Đại-Đông-Á, tiếng nhân « lấy đức phục lòng người » trên bộ sử sống còn của con Hồng cháu Lạc sau này sẽ ghi chữ lớn muôn đời không quên.

Tuy vậy, việc trên đời, không có cái gì gọi là toàn lợi tuyệt đối mà không có một điều hại cùng đi một bên, đây cũng là cái trường « nên hư được mất » trên lịch sử Đông Tây xưa nay vậy. Phi-luật-Tân, Diến-Điện, Mã-Lai, các miền trận địa, binh hỏa đến đâu, gai gổc mọc ra đây; dưới mưa bom mây đạn vẫn không tránh khỏi thâm họa trong một khoảng thời-gian. Song trải qua một cuộc võ-lực chinh phục, sấm sét xếp oai, hoa cỏ đổi sắc, dưới chủ-quyền độc nhất quân Chính-phủ, dân-tộc bốn thổ hiện cùng các giới Nippon gần gũi, tùy sức đến đâu làm đến đó, người trí bày mưu, người mạnh dâng sức, cùng dâng tay nhau bước lên con đường trật-tự mới trong công cuộc « Cộng đồng phòng thủ, cộng đồng kiến-trúc » không có gì trở lực.

Xứ Việt-Nam hiện tình lại khác thế: hiện cảnh xứ này đã lâm vào cái chỗ « nửa trên sa xuống » (bán thượng lạc hạ 半上落下), Hoàng-quân đặt chân đến xứ này đã 2 năm, mà cái khoảng giữa nhân-dân Việt-Nam cùng Hoàng-quân, gần trong gang tấc mà cách xa như mấy lớp đèo ải núi non, khoảng ngăn rẽ ấy vạch một địa-giới Hồng-cần không vượt qua được. Tình-thế nước Pháp kia như cục ung đã vỡ. Cái ổ đã vỡ thì trứng trong ổ ấy khó giữ cho tròn vẹn. Đối với xứ Đông-dương bên này, nếu cái khẩu hiệu « Vichy », « phục hưng » làm như tôn-giáo, hằng ngày tuyên-truyền cho dặng kéo lòng người trong lúc đã rời tán, cũng như cái chuông nặng muôn cân, treo dưới hòn đá lớn gập ghềnh sắp lặn trên dốc hãm, mà xa ngoài ngàn dặm, lấy một sợi chỉ to để dẫn lại, cái chuông chưa chuôi đổ đó, chỉ là vấn-đề thời-gian thôi (thuộc-địa Pháp như Tân-thế-giới, Phi-châu, cái gương không xa).

Tuy vậy trên thế-diện Quốc-tế chính-phủ Đông-Pháp nhờ có hiệp-trớc quân-sự và kinh-tế, còn « duy-trì hiện-trạng », cội gốc đã khô đứt mà nhánh lá chưa có hại (bản thiệt tiên bác, chi diệp vị hữu hại 本實先撥枝葉未有害), uy-quyền thế-lực sẵn có ở xứ này, dùng vào công việc đối ngoại, áp-bức đe đập giống dân Việt-Nam hai bàn tay trắng này thì có thừa. Và lại mượn cái cơ phòng-thủ, trăm chước bóc lột, ngàn cách che đậy, bề ngoài trương tấm bảng « Pháp-Việt thân-thiện » mà bề trong thì ngấm ngấm thực-hành cái chiến-lược « cháy đất », đèo xương bóc da, rán dầu ép mỡ, ngoài công việc « bủa lưới bắt chim sẻ », đào hang tìm

chuột không có cái gì gọi là chánh-sách. Bởi thế, người Việt-Nam ở dưới mấy lớp đè nên càng ngày càng nặng, khỏi vướng cái họa chiến-tranh, may không có vết thương tạm thời trước mắt mà khối thịt trong đáy lòng bị cắt nạo không biết là bao. Ở dưới đao thớt, cá thịt có còn là bao nhiêu đâu!

Theo như thực - chứng kể trên, hiện - trạng mà còn duy-trì ngày nào là dân Việt-Nam thêm một ngày khổ ách, người bệnh da bọc lấy xương, nằm rên trên giường, đều trông mong cốt thiết nhất là nhờ tay danh y quốc-thủ cứu đời giúp người, sớm sớm đủ lòng từ-bi, cho một tề thuốc «khí tử hoàn sanh» mà thu cái kiện trả ơn «kết cỏ ngâm vành» sau ngày đã mạnh dậy. Như vậy may có giải thoát cái khổ này chăng. Nếu không thế, thứ dân sống sót nửa mình nhà Chu, cái hơi thừa ngập ngời như cá phương đã nhọc, không có khi-lực thừa đủ làm phần-tử kiện-toàn trong vùng thanh-vương chung Đại-Đông-Á sau này, cái đó đã phần, mà trên con đường «trật tự» Đông-Á mà Thượng-quốc dương tấn-hành, hoặc giả vì có «Bất triệt đề», biết đâu chắc cho điều bất-trắc ý - ngoại không xảy ra : «chơi ong có độc», nuôi hùm đề họa», như điều lo xa của hiền-triết phương Đông đã từng nói sao? (lý do sẽ nói sau)

Như điều bày tỏ trên, chính tôi đã phạm vào câu trong thơ Trương-giả đã nói : «đề người khác chịu phần hy-sinh mà mình ngồi hưởng cái may phúc vô sự». Điều ấy giống như không nên cho người ngoài nghe

biết, song tôi không dám che dối mà nói thực như thế, không phải tiếng kêu rên của người không đau đâu.

Hiện tình người nước Việt-Nam ta ngày nay, như kiến xua tanh, như cá trong vạc sôi, như chim sợ nà, như trâu ngựa mang ách ngâm hàm thiếc, lửa nóng phỏng da mà không biết đau, sấm sét đánh ngang đầu không biết sợ, tức gia cho cái tên «cái nước tử bệnh» không thể cứu chữa, vẫn không chối cãi được. Song sở dĩ đến thế, đều do cái chính-sách «diệt quốc» rất mới cùng quỷ-thuật «tia giống tốt để thứ xấu» cùng tay độc «chính hùm thuế rắn» (chính hổ phú xà 政虎賦蛇) gồm với không khí ô-trọc ngọt thở un hằm mà thành hư hèn đến thế, chứ tuyệt nhiên không phải mặt mũi chân chính cùng tính-chất cố-hữu của dân-tộc Việt-Nam, tôi dám nói chắc thế.

Tôi là một người trong nước tử-bệnh ấy, trên vài mươi năm nay, bằng ngày cùng người bệnh gần gũi, nguyên do gây thành cái bệnh ấy, viễn-nhân thế nào, cận nhân thế nào, cho đến tay bạn thầy lang đầu độc, phương phù-thủy đồng-bóng ếm bùa, thu hồn v.v., mắt thấy tai nghe kinh hồn khiếp vía, song tôi trước sau hy-vọng «sống lại», không giây phút nào quên lắng trong đáy lòng, là vì cái điều đã nghiệm thấy trên 80 năm lại đây, trải qua biết bao nhiêu làn họa-kiếp, mạng người trùn dế, sông núi tan tành, nhưng trái gốc sau mùa lạnh (trái giống sót nảy nở ra cây mùa xuân sau) tiêu rụng gần hết, mà cái giống «cách-mạng kháng Pháp», một mạch truyền nối nhau núp sâu dấu kín, hễ có cơ-hội

là bùng ra, lớp trước ngã xuống lớp sau trỗi lên, trước sau không khi nào dứt. Thử dỡ đoạn cận-sử « Việt-Nam Pháp-thuộc », quay đầu xem lại, tôi không sao không tuôn một bùm nước mắt đồng tình vì ức muôn vạn đồng-bào dĩ-vãng trôi mất vì nước mà lớn tiếng kêu oan; cũng vì đồng-bào tương-lai mà cung một tề thuốc phấn-khởi tinh-thần, đồng thời đánh đổ cái y-án « Nước bệnh không chữa được » mà chỉ rõ cái chứng thực « Chứng bệnh có thuốc chữa ».



Nên xem:

TỰ - PHẢN
ĐỜI CÁCH - MẠNG CỦA CỤ SÀO - NAM
do tay Cụ tự viết lại.

Những ấn-tượng cũ

★ ★ ★

ĐOẠN THỨ TƯ

Lịch-sử cách mạng dưới thời Việt-Nam Pháp-thuộc

(1852 — 1942 Nhâm-Tý đến Quý-Vị, cả thảy 80 năm)

Người không có nước mà bàn việc nước, đã là mối đau thương như kim châm vào lòng, mà càng đau hơn nữa là nhắc lại chuyện một nước « gặp nhau đừng nói câu đau xót, việc cũ buồn tanh chớ muốn nghe ». Cái gì dĩ-vãng như cái chết ngày hôm qua, nhắc lại giống không có chút bổ-ích gì. Song muốn biết việc sau, cần phải xem việc trước, mà « Tích-Đàm vong tổ » (1) là cái thông-bệnh của đồng-bào ta. Vì thế không từ rườm tai phần đông, lược thuật một đoạn cận-sử.

Từ ngọn triều Âu-Tây tràn sang phương Đông, người Pháp đạp chân đến giải đất hình chữ S này, đến nay đã 80 năm, Cao-mên, Ai-lao, nước nhỏ không phải nói, nước Việt-Nam chúng ta nghiệm nhiều một dân-tộc lớn, có tiếng là nước văn-hiến tự-chủ, có lịch-sử và ngàn năm, nuốt cái đau nói giống tiêu-món, cưu mỗi lo đất nước chìm đắm, tuy mạnh được yếu thua, cái công lệ thiên

(1) Tích-Đàm người Tấn đời Xuân-Thu, qua nước Chu, Chu vương hỏi lịch-sử nước Tấn, y không biết, người ta chê y là người vong tổ.

diễn không chỗ tránh, mà cái giống cách mạng kháng Pháp hơn 80 năm nay, không khi nào dứt, và có một thể-lực ngấm, ngấm vẫn theo thời-thế mà diễn-tiến, khi trời khi sục, lúc ẩn lúc hiện, ngoài mặt trông cái hình như dứt như nối, mà ở trong vẫn kế tiếp nhau như chỉ luồn dưới tro, rần bò trong cỏ, rõ ràng có cái dấu vết trước sau một mối, có thể chia làm 4 thời-kỳ :

THỜI-KỲ THỨ NHẤT

(1854-1884)

Từ tàu binh nước Pháp bèn mặng tới xứ này, đầu tiên tiếng súng nổ ở cửa biển Đà-Nẵng và Cần-Giờ thì phong-triều nhưng-di sôi nổi khắp trong nước, triều dã trên dưới bồng bột cùng dậy. Nam-kỳ 6 tỉnh thất thủ, quan Kinh-lược Phan-thanh-Giản tử tiết (1868), sĩ dân trong Nam khi lên chống với quân Pháp, danh tiếng lừng-lẫy nhất là ông Trương-công-Định, Hồ-huân-Nghiệp, Phan-văn-Đạt v. v., nghĩa-sĩ trong Nam dựng cờ đồnค่าย như mây tuôn nước nổi, kháng-cự quân Pháp nơi nào cũng có (Ông Nguyễn-Thông trong « Kỳ-Xuyên văn-tập » có chép truyện mấy nhà nghĩa-sĩ, Ông Đồ Chiểu có bài văn quốc-âm tế nghĩa-sĩ).

Kể đó chiến sự khởi ra ngoài Bắc, thành Hà-nội hai lần thất thủ (lần thứ nhất năm 1873, lần thứ hai năm 1883), quan thành trấn : ông Nguyễn-tri-Phương, ông Hoàng-Diện, trước sau giữ thành cự với quân Pháp, thành bị bãm, đều tử tiết không chịu nhục.

Từ đó sĩ phu Trung Bắc-kỳ, lòng trung phân bưng

dậy : ngoài Bắc thì Ông Nguyễn-Cao (Tán Bắc) hồng việc, mở bụng tự tử ; Ông Nguyễn-thiện-Thuật (Tán Đông) sau sang Tàu không chịu hàng Pháp, cùng thông binh Hoàng-tá-Viêm hợp với tướng quân Cờ-Đen Tàu Lưu-vĩnh Phúc, đánh với quân Pháp, trận Lạng-Son, Cầu-Giấy giết được tướng cầm đầu, quân Pháp bị thua trận khá đau (Henri Rivière chết trận năm 1873, Francis-Garnier chết trận năm 1883, người Pháp có đúc tượng và bia kỷ-niệm), trận oanh-liệt trên làm cho quân Pháp xiềng liềng không dám khinh dễ quân Việt-Nam.

Ngoài ra như Đảng Văn-thần ở Nghệ-an, Hà-tĩnh (Trần-Tấn, Dương-như-Mai, Hoàng-phan-Thái) bài hịch gọi là « Hịch Văn-thần » truyền tụng khắp trong nước, trong có những câu :

« Tướng thuở thái-bình tái vũ, bề Khuông tương đề mặc khách thiên chung ;

« Đến nay di địch loạn hoa, lòng tiết nghĩa phải xường lời lục-quán .

« Xưa cùng có Hồ-Di Kiệt-ngạo,

« Trời lại sanh quân tử kinh luân.

« Lỗ-trọng-Liên nghĩa bất để Tần, phần nho giả mở lòng lo vũ-trụ.

« Văn Thừa-tướng trung thờ chúa Tống, bước lưu ly mà vai gánh còng thường.

Giáo đồ thi Nguyễn-trường-Tộ, Nguyễn-dức-Hậu (Tây-học mà thân Hán lòng Hán, Trường-Tộ có mấy bài điều-trần, Hậu có giao-thiệp với người Anh ở Hương-cảng, tha dân ta bị bắt đem nhốt ở Hương-Cảng.

Văn-thân thi Ông Lê-Tuân, Ông Trần-hy-Tăng (2) ông bị vua vời đi sứ sang Pháp thương thuyết cho trả Nam-kỳ lại, giảng hòa; biết việc không xong, thà óm lòng trung với vua mà chết, nên uống thuốc tự tử, không chịu sang Pháp, cho là nhục). Cái tiếng « Bình-Tây ! Bình Tây ! » muốn miệng một lời, phong triều « nhượng di » sôi nổi khắp trong nước (như thời.kỳ « nhượng di » bên Nhật-Bản), chỉ tiếc một điều là thời-dại « bế quan tỏa cảng », người trong nước mù với việc nước ngoài cùng đại-cuộc thế-giới, chỉ biết đọc nhật lệ con đường cầu cứu với nước Tàu (thường năm phái công-sứ sang Tàu, sang Hương-Cảng cầu thông với nước Anh, và phái đại-thần Phạm-thận-Duật cùng Nguyễn-Thuật (1) sang Thiên-Tân cùng Thủ-tướng Mãn-Thanh Lý-hồng-Chương thương-nghị việc cầu viện và ngoại-giao, các việc trọng-yếu, nhưng vô hiệu về không). Mà đường một nước lớn như Trung-Hoa, không giúp cho Việt-Nam một viên đạn, một tay mỗ.côi không kêu gọi ai được, cho đến toàn bàn đều hồng.

Đó là Việt-Nam kháng Pháp về thời-kỳ thứ nhất, con đẻ của tư-tướng trung-quân và bài ngoại vậy.

(1) Không nên lộn với Cụ Nguyễn-Thiện-Thuật.

THỜI-KỲ THỨ HAI

(1884-1890)

Nam Bắc.kỳ hai xứ đã thất thủ, người Pháp đã dàn xếp thành cái trận.thế « răn Thường-son » (Thường-son trận.thế 常山陣勢) đầu đuôi cùng hưởng-ứng nhau, cứ trên cao mà dè xuống dưới. Việc nước Việt-Nam không còn làm gì được nữa, người Pháp bèn oai bức Nam-triều nhận nước Pháp làm nước Bảo Hộ, đồng thời bức Triều-đình Mãn-Thanh thủ-tiêu cái ấn nhận nước Việt-Nam là thuộc-quốc, bắt đầu Pháp-Việt cùng ký Hòa-ước năm 1884 mà toàn cả nước Việt-Nam làm miếng thịt béo trên thớt người Pháp, ký-ước giữa Quốc-dò, ghi một vết quốc-sĩ cho Việt-Nam ta, ngàn năm khó chùi rửa sạch.

Lúc bấy giờ đại-tướng là ông Tôn-thất-Thuyết rất giàu tư-tướng bài ngoại, trước sau kiên trì chủ-nghĩa kháng chiến quân Pháp, bao nhiêu điều người Pháp yêu.cầu phi lý, đều cự tuyệt cả.

Đến đêm 22 tháng năm năm Ất-Dậu (1885), Ông cùng tay chiến-tướng trứ-danh là Đề-Soạn và quân tinh-nhuệ dưới trướng, đồng mưu đánh quân Pháp ở Huế. Giữa lúc Triều-nghi phân vân thì ông ta nhất quyết làm theo định-kiến của mình « thà làm viên ngọc nát hơn làm tấm ngói toàn vẹn » (nhĩn vi ngọc toái, bất vi ngổa toàn 寧爲玉碎, 不爲瓦全), sắp lưng vào thành, phang cho quân Pháp một trận

như đánh bạc liều một keo cuối cùng. Vì đó mà nước ta có cái nạn « Kinh-thành thất thủ » năm Ất-Dậu.

Kinh-thành thất thủ, Ông Trương phó vua Hàm-Nghi chạy ra Cam-lô, tờ chiếu Cần-Vương ban ra, khắp cả nước phùng dậy, nào nghĩa-binh, nào nghĩa-hội nhóm dậy như ong vỡ ổ. Những người trứ-danh như :

a) Phú-Yên, Bình-Định thì Mai-xuân-Thưởng, Tăng-bạt-Hồ, Nguyễn-trọng-Tri (Mai công tử-nạn trong lúc Đốc-phủ Lộc đem quân Pháp trong Nam-kỳ ra tiêu ; ông Tăng thoát thân sang Tàu, sau đó vào Xiêm-la, nào nước Nga, nước Nhật đều có vết chân, Ông Tăng lại có theo Lưu-vĩnh-Phúc ở Đài-loan, kể ông ta bốn năm ở nước ngoài trên 20 năm làm một tay kiện-tướng sống sót thời Cần - Vương, đến ngày Cụ Phan-bội-Châu mạo hiểm sang Nhật-Bảo, chính Tăng công làm người hướng đạo, do ông Nguyễn - Thành (Tân Hàm) trứ-hoạch và định kế (1905). Năm sau Tăng về nước, đau chết tại đất Huế, Cụ Sào - Nam có chép truyện. Tăng có biệt-hiệu Điền-Bát. (1)

b) Quảng-ngãi thì Cử-nhân Lê-trung-Đình, Tú - tài Nguyễn-Tân, Ấm-sinh Nguyễn-bá-Loan (con Cụ danh-thần Nguyễn-bá-Nghi, làm tán-tướng hội Cần-Vương, sau chết nạn cụ thuế năm 1908), Cử Đình, Tú Tân chết về tay Nguyễn-Thần (Tiểu-phủ-sứ) ; Lê-Khiết tán-tướng tiểu Nghĩa-dãng Quảng-Nam, sau lại làm tán tướng theo Nguyễn-Thần tiểu dãng cụ Phan-dinh-Phùng ở Nghệ Tĩnh, rồi làm đến Bộ-Chánh, bị bãi ở nhà, gặp phong-triều

(1) Xem « TỰ-PHÂN » đã xuất bản.

tân-học, có chịu khuynh-hướng, nên chết về việc cụ thuế, cũng một chuyện thú).

c) Quảng-Nam thì Ông Trần-ngọc-Dur (Tân-sĩ làm Sơn-phòng-sứ), Ông Nguyễn-Hiệu, Phan-bá-Phiến, Nguyễn-Thành (tức Tân Hàm), Tú-Dinh, Phan-văn-Bình (thân-sinh Cụ Tây-Hồ), Lê-vinh-Huy, sau việc hồng đều chết với việc nghĩa, duy Ông Nguyễn-Thành nhà có mẹ già lại con-một được khỏi chết, tiếm tâm việc nước trên mười mấy năm, một nhà Cần-vương cụ-dãng, kết giao bạn đồng-chi, sau làm một tay vận-trù quyết sách trong cuộc « Đông-dộ Nhật-Bản » của Cụ Sào-Nam chiếm một vị-trí rất trọng-yếu trong cả tân-giới cụ-giới. Năm 1908 bị đày ra Côn-lôn rồi chết ngoài đảo, Cụ Sào-Nam có làm truyện.

d) Quảng-tri, Quảng-Binh thì có Ông Đoàn-chi-Tuân (lúc Bạch-Xĩ). Lúc vua Hàm-Nghi chạy ra ngoài, có Cụ Cần-vương, Đoàn đến sở Hành-tại hiến sách mà không được kiến-dụng, bèn tự dựng một cờ trên miền Lào, không nhập vào phái nào. Đoàn gồm cả tài văn võ, thời ấy ít ai sánh mà làm việc không thành, sau bị tử nạn, rõ là vua Trần-Thiếp trong dân nhà Tân vậy.

e) Hà-Tĩnh, Nghệ-an thì các ông Phan-dinh-Phùng, Đình-văn-Chất, Nguyễn-xuân-Ôn, Lê-Ninh, Cao-Thắng, Đội-Chanh, Lãnh-Đạt, Đốc Quỳnh v.v.

Ông Phan-dinh-Phùng chống với quân Pháp kéo dài trên 10 năm, Cao-Thắng phùng theo kiểu súng Tây, đúc được thứ súng tân-thức, thường đánh bại quân Pháp, dũng mưu lại đánh giỏi, có tướng tài, dinh lũy đồn trại ở núi Vũ-Quang, quân Pháp xem như kinh địch. Sau Cao, Phan chết dãng mới tan.

g) Thanh-Hóa thì các ông Tống-Duy-Tàn, Phan-Bành Đình-công-Tráng, trận đánh ở Ba-Đình, tiếng sùng rung động các tỉnh gần xa, là trận đánh kịch-liệt có danh nhất trong nghĩa-binh. Ba-Đình bị vây cầm cự khá lâu, sau vì người chết nhiều quá, thấy năm ngọn ngang, không nước uống, Đình-công-Tráng mới thoát thân ra ngoài vòng vây, thu góp tàn quân dựng toan cử binh lần khác.

h) Bắc-kỳ thì các ông Nguyễn-quang-Bích, Võ-hữu-Lợi, Tàn Cao, Tàn Thuật, Đốc Ngự, Đốc Tíc, Đề Kiều, Đề Thám v.v. sau việc hồng, kẻ chết người sang Tàu. Duy ông Hoàng-Hoa-Thám (tức Đề Thám) hùng-cử miền Phồn-Xương, về sơn-phần An-Thế, thường đánh giết quân Pháp, nghiêm nhiên thành một xu-vực độc-lập sau Việt-Nam đã mất nước. Đường thiết-lộ Hàn-ội-Việt-nam thường bị quân ông ta phá hủy, người Pháp không sao làm được, bèn cùng ông giảng hòa, nhường một huyện An-thế cho ông làm trại đồn-điền, như một nước dịch. Cụ Sào-Nam có cùng ông đình ước, cùng đảng cách-mạng Nghệ-Tĩnh làm ý đốc. Đảng ông Tú Ngón ở Nghệ, có ra đây lập một cái đồn để luyện quân, gọi là đồn Tú-Nghệ. Sau vì quân-giới ở ngoài không du-nhập được Quân Cần-Vương chống với quân Pháp, ông Đề Thám cầm cự dài đến 20 năm, sau Hoàng chết đồn mới tan.

Như trên lược kể nghĩa-dãng Cần-Vương, gần thì 2, 3 năm, lâu thì 10 năm, 20 năm, tuy quân-khi không địch lại quân Pháp, tay không không thể làm sao, mấy mươi vạn trung thần nghĩa-sĩ, chí sĩ nhân nhân cùng đồng-bào ái quốc đều dồn làm tiếng sấm nổ vang trời vùng biển Nam mà tan dần dần, song cái « hồn Tinh-Vệ lấp bễ », cái « độc ong bầy mền ồ », khiến nước Pháp, một cường-quốc đứng hàng thứ nhất bên Âu-châu không sao dựa gối cao mà ngủ yên giấc được. Sanh-khi của đồng-bào,

nghĩa-dãng kể trên, vẫn đồn chứa ngui ngút trong vùng núi Hoành, biển Quế, đến nay còn chưa dứt kia.

Đây là thời-kỳ cách-mạng thứ hai, chính con đẻ của tư-trởng « trung quốc cứu-quốc » phái Hán-học vậy.

THỜI-KỲ THỨ BA (1900-1920)

Tấn kịch « Cần-Vương » diễn một độ khá lâu rồi hạ màn. Các ông Tôn-thất-Thuyết, Đề Soạn chạy sang nước Tàu, bị an-tri ở Triều-Châu. Ông Tàn Thuật cũng sang Tàu, vua Hàm-Nghi bị bọn trành hồ đảng công cho quân Pháp, theo tìm dũi riết, bắt được, vua bị đày sang Phi-Châu. Sau nhiều trận quét rừng dày cỏ, nghĩa-dãng 10 phần, rời rã đến 7,8, vua cũ bị đày đi xứ khác, ý-nghĩa trung quân không chỗ nương dựa. Hơn nữa, cái Triều-dinh con con dưới quyền bảo-hộ người Pháp, lại diễn lại dân trò « thái-binh mùa hát » ngày xưa. Một tội Bá-Di Thúc-Tề, thờ chủ nghĩa trung quân mấy lúc, vì cái cỏ rau Vi núi Thúc-Dương quá đắng, (一隊夷齊下首陽, 共言殿苦不堪嘗, nhứt đội Di Tề hạ Thúc-dương, cộng ngôn Vi khổ bất kham thưởng) không thể ăn mà sống được, bèn lần lượt về hàng với Triều-dinh mới, Triều-dinh dưới quyền người Pháp, trong vẫn có lớp dân cũ còn sót, ngoan-ngạnh với nhà Châu (triều vua mới) bèn lòng yêu-dối nhà Tống (Triều vua cũ), cũng chỉ ngậm cay nuốt đắng, lặng tiếng nin hơi dưới sức đè nặng của nhà cầm quyền. Bọn sĩ-phu cùng một đôi người thức giả cũng nhận rằng đại-cuộc đã hồng rồi, không kéo lại được, non sông y cũ, thành quách khác xưa, duy có rưới giọt lệ « lúa tươi bắp tốt » (麥秀禾油 mạch tú hòa du) khi qua lại trông cảnh đô-thành cũ, và than thở cho việc nước

không làm gì được nữa, trừ ra óm mối đau đớn ấy đến trọn đời.

Địa-ngục mấy tầng, ngọn triều Âu tràn vào ở bốn mặt, đồng nội mịt mù, đêm dài vắng vặc, bỗng đâu gà hàng xóm gáy lên một tiếng, giấc mộng quần chúng thoát tỉnh dậy: sau cuộc Trung-Nhật chiến-tranh (1894), « Canh-tý liên-binh » (1900) người Trung-Hoa đã dịch các học-thuyết Đông Tây, sách báo của danh nhân như Khương-hữu-Vi, Lương-khải-Siêu, tạp-chí của phái cách-mạng Tôn-dật-Tiên, lần lần lọt vào nước ta. Trong học giới có bạn đã sẵn có tư-tưởng quốc-gia cùng lòng đau đớn với nơi gống, được đọc loại sách báo nói trên, như trong buổi tối bỗng chợt thấy tia ánh sáng lọt vào, những học-thuyết mới « cạnh tranh sinh tồn », « nhân-quyền tự-do », gần chiếm cả cái chủ-tích môn học khoa-cử ngày trước, mà một tiếng sét nổ đùng, có sức kích-thích mạnh nhất, thấm vào tâm não người Việt-Nam ta là « trận chiến-tranh 1904 » (Nhật-Bản thắng Nga).

Vi sao thế? Vì từ thế-lực người Âu tràn sang phương Đông, trên trăm năm nay, mệnh-mông một vùng Á-châu, đất rộng người nhiều, không một nước nào không bị đè ép vui dập dưới làn chân sắt của người giống da trắng, không dám cự cự. Riêng xứ Phò-Tang ba hòn đảo, lấy một nước nhỏ bên Á-Đông, đánh một nước to kèn cường-thạnh là nước Nga trắng. Tiếng kèn khải hoàn của Lữ-Thuận, là cờ báo tiếp miền Liêu-Dương, tiếng reo « Ngô Á Ngô Hoàng » vang dội khắp cả thế-giới, người da trắng kinh hồn khiếp vía đã nảy mối lo « Hoa giống da - vàng ». Cái trận hoành-liệt hùng tráng đó đã cho cả giống da vàng tuôn cái khi phân uất, trách sao người châu Á không múa hát hò reo mà nhón dấy một cách hăng hái không tự ngăn được.

Được tề thuộc hưng-phấn ấy, giống cách-mạng nước ta sau thời-kỳ điêu tàn rời rạc, trong vòng không-khí bao bọc áp-bức bị ngột, hốt nhiên santi khi trời ra một cách bỗng-bột phấn-khởi:

Sách báo Trung-Hoa như *Tân-dân tưng-báo*, *Mậu-tuất chính-biến*, *Trung-quốc-Hồn*, *Nhật-bản duy-tân khảng-khải-sử*, *Nhật-bản tam thập niên duy-tân-sử*, *Thái-tây tân-sử* (新民叢報, 戊戌政變, 中國魂, 日本維新慷慨史, 日本三十年維新史, 泰西新史云·云...) trong nước thì tác-phẩm của các nhà tiên-thời như bản sớ « Điều-trần của Nguyễn-trường-Tộ » (Nguyễn-trường-Tộ chi điều-trần giữ-tế-cấp, luận 阮長祚之條陳與濟急論), *Quy-ưu-lục*, « Thiên hạ đại-thế-luận » của Nguyễn-lộ-Trạch (Nguyễn-lộ-Trạch chi Quy-ưu-lục, Thiên hạ đại thế luận), cùng các thứ mới xuất hiện trong thời ấy như bài « sớ xin bỏ khoa-cử » của Thân-trọng-Huê (Thân-trọng-Huê thỉnh phế khoa-cử sớ 申仲携請廢科舉疏), « Lưu-cầu huyết-lệ-tân-thơ » của Phan-bội-Châu (Phan-bội-Châu Lưu-cầu huyết-lệ-tân-thơ 潘佩珠疏球血液新書), « Công xa thượng thơ ký », « Ai nó từ », « Bát cổ khất ai văn », « Danh sơn lương ngọc phú (vô danh chi công xa thượng thơ ký, ai-nó từ, Bát cổ khất ai văn, Danh sơn-lương ngọc phú 無名之公車上書記, 哀奴辭, 入股乞哀文, 名山良玉賦). Những tác phẩm trên đều viết tay, không chun mà chạy khắp trong nước, sĩ-phu đua nhau sao đọc. Cái tiếng hò reo « Tân thơ cự thơ » muốn miệng một lời, cả nước sôi nổi như điên cuồng, mà sức kích thích mạnh nhất là bài trường thiên « Đề tình quốc-dân-ca »

(提 醒 國 民 歌). Bài này bằng quốc-âm, lời « lục bát dân thất », trong kể chuyện thế-lực người Âu tràn sang phương Đông và thuật cuộc duy-tân Nhật-Bản rất rõ, đến trận « Trung-Nhật », « Nhật-Nga », sau nói thăm-trạng nước nhà và khuyên quốc-dân tỉnh ngộ.v.v..

Nhờ các món văn-phẩm trên, xuất-hiện kế tiếp nhau, phong khí trong nước có dè dỗi cũ thay mới mà nhà lãnh-tụ trong đảng cách-mạng quần-chúng đều suy-tôn là hai tiên-sinh Sào-Nam Phan-bội-Châu, Tây-Hồ Phan-châu-Trình vậy.

Đảng cách-mạng Việt-Nam trong khoảng xanh vàng dật nổi, tàn cự quá độ, được hai liên-sinh dễ-xương mà đồng bào có huyết-tánh, đồng thanh gia cho hai Cụ cái huy-hiệu « đại-chí-sĩ », « đại-ái-quốc » không một ai dị-nghị. Vì sao? Vì đảm-lực, phách-lực và thực-lực đều vượt lên trên hàng dung-thường, mà lòng nhiệt-thành hy-sinh cho nước cũng thủ-đoạn hành-vi « dao lớn riu to », « võ núi trở đường », mở cho người sau hai con đường lớn, làm cho người Pháp ở Đông-Dương bị vết thương « tri mạng », dầu quyền-lực một nước mạnh lớn, gồm thủ-đoạn giảo-khoái quý-quyết của các tay chính-trị, cho đến ngọn thầy tay thợ của các nhà khoa-học ngàn phương ngàn lớp, trăm cách che dậy, không sao bịt kín và đóng khóa hai con đường ra của dân Việt-Nam :

1) Nhà ái-quốc thứ nhất (Cụ Sào-Nam) ở trong ngục tối mấy lớp bao bọc như thùng sắt không chỗ trống hở, mà một mình mạo hiểm, trở ra một con đường « Đông-học », lại cùng Đảng cách-mạng Trung-Hoa giao-kết qua lại, khiến cho quốc-bào biết rõ thượng-quốc Nhật-Bản sẽ là một nước ân-nhân giải thoát cái ách

Âu-Mỹ đè ép cho người Á-châu, sẽ có một ngày đánh đuổi quân Âu-Mỹ ra ngoài vòng Á-Đông (tức thơ dâng cho Đại-Ôi Bá-tước cùng bức thơ khuyên người nước ta sang học Nhật-Bản năm 1905). Con đường này nay thành một con đường lớn mà nước tiên-lấn phương Đông ruổi xe buông ngựa, nam tiến một cách mau chóng trên con đường quen, bao nhiêu trở lực của người Pháp, ngậm ngậm tiêu tan đi mất.

2) Nhà ái-quốc thứ hai (Cụ Tây-Hồ) ở trong màn đen che phủ mấy lớp, một tay xé toang, khiến cho chính-phủ « bù nhìn » dưới máy dặt của người Pháp, hoàn toàn mất cả tin nhiệm của quốc-dân, dầu cho sơn thếp tô điểm, tuyên truyền, vừa đợ thế nào, vẫn cả tủy óc nhà văn-minh cùng tay thợ nhà khoa-học, xé vai vá vạt lấp bèn này võ bèn kia không hàn kín cái màn bị xé rách trên, đến nay không sao kéo lại tròn tin nhiệm của quốc-dân một vài phần trong muôn phần, trừ một bọn chỉ trung thành với miếng cơm tấm áo.

Ôi! Hùng tráng thay! cái sức võ núi trở đường của hai nhà đại-ái-quốc chí-sĩ, rõ là cái đặc-sắc có một không hai trên lịch sử cách-mạng Việt-Nam ta.

Nhờ có hai con đường trở ngõ đó mà phong-triều cách-mạng rung động khắp trong nước, cuộc thế có chiều tấn-triển, những việc đáng ghi như dưới :

A) Thiếu-niên sang du học Nhật-Bản, trước sau nối gót nhau ba kỳ đều hưởng-ứng.

B) Phải thiết-huyết cả trong lẫn ngoài, lần lượt xuất-hiện và tấn-hành (như ngoài Bắc thì Tú Đại-Từ, Tú Phật-Tịch; Nghệ-Tĩnh thì Ngư-Hải, Tùng-Nham, Hy-Cao, Đới Quyên, Đới Phấn; Quảng-Nam thì Đồ-Tuyền

(Ô-Gia, Sơn-Tầu), Lê-Vĩnh-Huy; Quảng-Ngãi thi Cử Cẩn, Âm Loan, nhiều không kể hết.

C) Trong nước nào hội thương, hội học, hội nông, thợ-xã, trường học, đầu đầu cũng có (Quảng-Nam hội hợp thương, trường Diên-Phong, Nghệ-an thi Triều-Dương thương-quán, Hà-nội thi Đông-kinh nghĩa-thực, Bình-thuận hội Liên-Thành, còn hội vô danh khá nhiều)

D) Phong-triều cúp tóc Âu-trang, quan dân tán cự cùng xung đột nhau.

Đ) Cuộc đầu-độc Hà-Thành năm 1908 là cuộc cách-mạng trong quân-giới.

E) Tiếng bom nổ ở Thái-binh, thân-sĩ ở Nghệ-Tĩnh cùng thông với Hoàng-Hoa-Thám ở Phồn-Xương.

G) Vua Duy-Tân ám-thông Dân-dảng (Trần-cao-Vân, Thái-Phiên.v.v..) diễn ra cuộc Duy-Tân năm 1916.

H) Quân nhân Thái-nguyên cùng tù quốc-sự (Lương-lập-Nham, Đội Cẩn.v.v..) phá ngục diễn tấn kịch « Thái-nguyên quang phục 7 ngày ».

I) Quái-kịch Nich-Long ở Nam-kỳ.

Mấy cuộc trên chót đây hy-sinh rất nhiều không kể hết.

Trong thời-kỳ trên, « Cự sự », « Đầu-độc », « Duy-Tân » và « Thái-nguyên » là mấy vở kịch lớn, hoạt-dộng hăng hái. Mấy vai kịch ấy cả vua và dân, thân-sĩ nông thương, quân lính, cho đến kẻ bồi, người bếp, không giới nào không có; lớp sóng này vừa tan, lớp sóng kia nổi dậy, khiến cho người Pháp ứng phó không rồi. Phỏng như ở thời-dại trước thế-kỷ 19 thì bộ sử

« Việt-Nam phục quốc » thực hiện không phải là chuyện lạ. Khổ vì chiếc thân thịt máu, một tấm lòng son, hai bàn tay trắng không thể địch với súng đạn khoa-học tối-tàn. Bởi thế, mỗi lần thất bại, những phần tử tru-năng, phần bị chém giết, phần bị tù tội, gần không mấy ai lọt ra ngoài lưới bủa của quân thù.

Hơn nữa, sau cuộc Đông-học giải tán, tiếp đến cuộc Âu-chiến bùng ra (1914-1918), các nước láng giềng phương Đông, như Nhật-Bản, Trung-Hoa, Xiêm La (Thái-Lan) vốn là nước gần mà đảng cách-mạng Việt-Nam lâu nay nương dựa làm nơi đứng chực, nay vì mối lợi hại trên Quốc-tế, đều theo phe Đồng-minh Pháp mà đánh Đức. Người Pháp nhờ cái sức « nhiều tay vô nên bộp » thu được phần thắng lợi. Đồng thời Cự Sào-Nam bị giam ở Trung Hoa (Long-tế-Quang, tỉnh-trưởng Quảng-Đông bắt Cự cầm ở Quan-âm-sơn trên ba năm). Cự Tây-Hồ bị giam bên nước Pháp (gia cho tội tình-nghi thông Đức), đảng cách-mạng Việt-Nam không có nhà lãnh-tụ cầm đầu, như con rắn không đầu, tự nhiên phải sa vào cái vực im chìm bi ngọt. Phải chăng bác trời già kia, cố để thói lòng tham kiêu của người Pháp to lớn, khiến nó chất đầy cái chuỗi tội ác đều có cái họa ngày nay chăng ?

Đó là đảng cách-mạng Việt-Nam chống Pháp vào thời-kỳ thứ ba, chính là ngậm cái đầu nôi suy nước mất, ôm cái chi phục quốc báo cứu. Tuy trời chưa chịu người, thời cơ bất lợi, song cơ cuộc có chịu tấn triển, trình độ có vẻ mạnh tiến, so với thời-kỳ thứ nhất, thứ hai trước, có cái khi thể « xăm xăm bước lên cao ».

Lần cách-mạng này là con đẻ của cả Hán-học Âu-học nhập chung một lò mà đúc ra vậy.

THỜI-KỶ THỨ IV
(1920 — 1940)

Hai nhà lãnh-tự cách-mạng, một nhà bị mệt mỏi ở phương Đông, một nhà bị căng khốn ở phương Tây, bọn Hán-học cũ mòn rụi như lá sau mùa thu, bọn Tây-học mới còn đơm non trẻ mới đầu mùa. Hơn nữa, cuộc Âu-chiến kết liễu, thanh-thế nước Pháp lừng lẫy trên chín lừng trời, mà hơi thừa của đảng cách-mạng Việt-Nam chìm ngấm dưới chín lớp đất, người Pháp tự tin rằng gối cao ngủ yên không phải lo ngại gì cả. Còn nước ta cả trong lẫn ngoài, phân nửa đã nguội lòng thối chí, bọn trẻ Âu-học phân đông quên cả nguồn gốc, sùng-bái người Âu đến cực điểm, gần như không biết quốc-gia là gì; lại thêm phái Đông-học sủa chân, trong có kẻ thay mặt dôi lông trở làm tay trắng hồ (猓 狐 mặt-thám) cho người Pháp là khác... Đó là thời-kỳ đảng cách-mạng Việt-Nam rất nguội lạnh, rất đen tối, không có chút sanh khí, chút tia sáng nào. « Núi cùng nước kiệt ngờ không lối » (sơn cùng thủy tận nghi vô lộ 山窮水盡疑無路), nào ai có biết giống cách-mạng ấy lại có một cơ-hội « lửa đồng thiêu chưa hết, gió xuân đến lại mọc lên » (dã hỏa thiêu bất tận, đông phong xuy hựu sanh 野火燒不盡, 東風吹又生) kia.

Cuộc Âu-chiến kéo dài, bên thua bên hơn, cả hai phe đều mang vết thương nặng, thành-thị hóa đồng tro đen, ruộng đồng lưa gò đất đỏ, tiếng « khoa học tự sát » và tình-trạng kinh-tế khủng-bố, đồn với điều-ước bất bình đẳng Versailles, khắp vùng toàn Âu có chịu rắc rối lay động, mà cái sức phản động « kỳ quái » do thời thế thúc giục xuất hiện một cách không ngờ: nước « Không-tướng » của lý-thuyết Mã-khắc-Tư, chính-phủ

Lao-nông của Lê-nin, giải nhảm chỗ ngựa dân-chúng, phong-triều mới bèn bồng bột vụt dậy, nào lao tư xung đột nhau, nào giai cấp tranh đấu nhau, nào tự-do bình đẳng với chánh-thể chuyên-chế cửu-thị nhau, nào chủ-nghĩa xã-hội với chủ-nghĩa quốc-gia chống chọi nhau, nào quan-niệm cá-nhân với quan-niệm gia-dinh chia rẽ nhau, độc-nồng-nhiệt tăng lên cao điểm, cùng tràn nhẩy lên một trật, làm cho cả vùng không-khi trên thế giới đều bị xô đẩy chà xát. Đại đa số quần chúng bị đè ép đã lâu, cùng lớp thanh-niên tân tiến hý-động, đua nhau xu-hướng theo triều-lưu mới, như tinh thể « nước lụt vỡ đê », gần không có sức gì ngăn cản được. Đã thế mà các thư sách báo đua nhau tuyên truyền cổ động thêm nữa, mà Âu-châu trở thành xứ trung-tâm-diêm, nào chiêu bài, nào quảng-cáo, như thủy-ngân đổ trên mặt đất, không lỗ nào không lọt vào. Phần tử cách-mạng Việt-Nam ta ở ngoài biển, bọn thiếu-niên Tây-học cùng quân lính công-binh ta có dự cuộc Âu-chiến về nước, kích-thích với ảnh-hưởng « cộng » nói trên, nhồm lên khắp nơi. Từ đó mòn củi tàn trong đám cách-mạng cựu học cùng thứ rơm rác lau cỏ mà phái Tây-học mới lượm lặt được, nhập với các mồi nhay lửa, hợp thành cái đuốc khá trọng, mà hột giống cách-mạng chìm ngấm im vắng mấy lâu thừa dịp nở bùng, khi tổ khi mờ, kéo dài vài năm, trong có mấy đặc điểm:

Cụ Tây-Hồ bị tù ở bên Pháp, Cụ Sào-Nam bị tù ở nước Tàu (bị Long-tế-Quang tỉnh-trưởng Quảng-Đông bắt giam gần 4 năm), biển đông biển tây cách xa nhau không biết bao nhiêu. Sau ra tù ngục rồi, trông ra bốn phía, coi quanh buồn bã, gần không biết làm gì, song tấm lòng nhiệt-thành ái-quốc không giây phút nào dứt đoạn, tìm tâm lộng nghĩ dò xét thời-cơ, toan tìm chỗ hành.

động. Bên thừa cái phong-triều mới theo xu-hướng xã-hội nói trên, nghinh hợp cái tư-tướng mới hấp thụ của thanh-niên và quần-chúng dặng nhen đóm lửa cách-mạng trong đống tro tàn gần tắt kia mà trong bụng con cò chết bỗng trở ra nước cò cơ-cảnh đường đột kinh người.

Cụ Tây-Hồ ở bên Pháp, vừa dịp trời đưa ngự-giá vua Khải-Định sang Pháp, gửi ngay một bức thư trong kẻ bảy điều tội, cả phái tân cựu trong ngoài đều kích-thích với tiếng sét ấy. Tổ tình hoan nghinh nhất là phái Tây-học thanh-niên, làm cho cái chánh-sách giả dối ứng hộ bề ngoài của người Pháp, thành ra cuộc hành động vô giá-trị, vô ý-thức.

Còn Cụ Sào-Nam ở Trung-hoa, vừa dịp Toàn-quyền Đông-dương Merlin có cuộc sang Nhật-Bản, đi ngang qua Quảng-Đông, một tay trắng-sĩ trong màu cách-mạng (Phạm-Hồng-Thái) cắp chiếc dù Bạc-lăng (tạc đạn) trong túi, đánh một cái dưng ở Sa-diện, tuy trúng làm người Pháp khác, Toàn-quyền khỏi chết, song kẻ cừu cũng kinh hồn mất vía, không dám gọi là người Việt-Nam không có tinh-thần võ-hiệp.

Kể đó Cụ Tây-Hồ về Nam-kỳ, không bao lâu rồi bị bệnh ở Saigon, Cụ Sào-Nam bị bọn tránh hồ lừa phỉnh, mà bọn « cướp người » bắt ở Thượng-Hải, đem về Hà-nội rồi tha về ở Huế, giam lỏng nơi Bến-Ngự. Đường cùng của nhà anh-hùng, tuy không hành động gì được, mà bọn thiếu-niên tân-tiến, vì cơ tuổi trẻ chưa có danh-vọng, như « cá mè một lứa », không ai chịu ở dưới ai, nên nảy ra cái quan-niệm sùng-bái các nhà chí-sĩ tiên-thời, phong-khi có chịu đổi mới. Đồng thời ngoài có Nguyễn-Ái-Quốc, trong có Nguyễn-thái-Học, tay kiện-tướng trong đảng làm chủ-trì, trong ngoài

có một sợi giao thông với nhau mà tấn kịch quái gở đổi xác thay hình như bệnh dịch truyền nhiễm: đây là tín-dờ của Lê-nin, kia là học trò phái Mã-khắc-Tư, nọ là phần-tử Mã-chi-Nê, Gia-lý-ba-Địch, hiệp thành một khối, bèn diễn trên sân-khấu nhiều thứ tuồng mới lạ « Xích-hóa », « biểu-tình », « dinh công », « quá khích » khiến thù boma đạn tàu bay của người Pháp, không dùng ra việc đối ngoại mà trở ném bom xuống làng Cồ-Am (Bắc) và Hà-tĩnh v. v..., ngoài ra tàn sát nhân dân như dây cỏ, như sản thú, tù tội dất đi đầy đường khắp cả trong nước, không kể xiết được.

Đó là thời-kỳ cách-mạng lần thứ tư, hợp cả nhà Hán-học giả, bạn Âu-học trẻ, và phong-triều cả trong lẫn ngoài chung đụng nhau mà đúc ra, chính như trong Kinh Dịch, quẻ Đại-Quá đã nói: « Cây dương khô này nhánh, kẻ chông già được người gái trẻ, (khô dương sanh thê, lão phu đắc kỳ nữ thê 枯楊生稊, 老夫得其女妻), đẻ ra đứa con bất thuận huyết thống, lại bị thuốc làm thời sanh của thầy lang, nên không thành hình.

Số năm dưới thời-kỳ thuộc Pháp, trải bốn thời-kỳ cách-mạng trăm hình ngàn thái mà không lia cái tôn-chỉ yếu-tố là đau lòng vì nước nhà nói giống, bề ngoài có thay đổi, mà khi-thế mở rộng và tiến dần lên. Khốn vì « đạo cao lên một thước thì ma cao lên một trượng » (đạo cao nhưt xích, ma cao nhưt trượng 道高一尺, 魔高一丈), tinh-lực của mình có hạn mà bàn tay sắt của kẻ địch dày vô chặt phá cùng ngọn độc-ác « lột da ngoài, gạn mỡ trong », lớp này lớp nọ, diễn mãi không khi nào cùng: bởi vậy phùng dây phen nào cũng bị té ngã phen nấy, cho đến ngày nay nó đã thành

như chót mũi cái nõ mạnh mà người Việt-Nam không thể lấy tay không mà chống được, đau xót biết chừng nào !

Dưới đây xin nói chính sách hiểm ác của người Pháp.



Chính - sách thống - trị Việt - Nam của người Pháp cùng thủ-đoạn diễn - tấn (1854 - 1942)

Lịch-sử cách-mạng Việt-Nam dưới thời thuộc Pháp, vẫn theo thời-thế mà khi ẩn khi hiện, lúc trời lúc sạt, như bốn thời-kỳ đã kể trên, người Pháp biết rằng không trừ diệt giống dân này thì không thể nắm gói cao mà yên giấc được, nên chính-sách cai-trị của nó cũng theo tình-thế mà diễn tới, có thể chia ra 4 bộ-sâu như dưới :

BUỚC THỨ NHẤT

(1854 - 1864)

I. Phong tỏa bốn mặt, tuyệt hẳn đường giao-thông với nước ngoài.

Đầu tiên bước chân đến chinh-phục xứ này thì liền chiếm đoạt xứ Nam-kỳ lục-tỉnh làm nơi căn-cứ quân-sự ; kế đó xâm chiếm Bắc-kỳ, đơm dối tỉnh Vân-Nam nước Tàu, bức Triều - đình Mãn - Thanh thủ - tiêu ấn « Việt-Nam phiên-thuộc », đồng-tà với cùng nước Anh ở Diên-Điện ký-ước nhận nước Xiêm-La làm khu hoãn-xung, rồi chiếm đoạt cả Cao-miền và Ai-Lao. Bốn mặt phong-tỏa, thế là toàn cõi Việt-Nam thành như con cá trong nôi, tự ý cắt nấu. Đó là bước thứ nhất.

BUỚC THỨ HAI

II. Chia rẽ xu-vức, phá cái nền nhứt-thống sẵn có.

Sức đồng-hóa của dân-tộc Việt-Nam rất mạnh : Nam tiến chưa bao lâu mà thu cả hai xứ Chiêm-Thành Chân-

Lập vào bản đồ đất nước nhà, lại đồng-hóa cả dân tộc (không chỉ người Chăm : người Tàu sang xứ ta, phần nhiều người Minh-Hương thành người Việt-Nam không phân-biệt). Ngôn ngữ, văn-tự, phong-tục, lễ-giáo như một lò đúc ra, sỗ sàng thành một dân-tộc lớn. Người Pháp biết rõ dân-tộc ấy không dễ gì cai-trị được, nên chia toàn quốc làm ba xu-vực, và dùng chính-sách giáo-quyết khôn khéo để làm cho phân rẽ nhau :

Nam-kỳ thì nhận ngay làm xứ thuộc-địa thực-dân, lúc mới chinh-phục nhân dân vẫn nhớ mền nước cũ, cho Nam-triều đặt quan lãnh-sự. Người nước Việt-Nam làm quan tại đất Việt-Nam mà, như là đối với xứ nước ngoài (Ông Nguyễn-Lập và Nguyễn-thành-Ý làm chức lãnh-sự đó sau bị đuổi về).

Bắc-kỳ với Trung-kỳ thì vạch làm xu-vực Bảo-hộ để tiện việc thao-túng. Bắc-kỳ đối với Nam-triều, chỉ lưu mấy việc như ban chức-tước, tặng phẩm-hàm, (*Kiểm-đuyệt thời Nhật thuộc bổ*) nhưng quyền chính thì theo lệnh Thống-sứ. Đầu tiên có đặt « Bắc.kỳ Kinh-lược-nha » (trước thì Nguyễn-hữu-Độ, kế thì Hoàng-cao-Khải làm Bắc-kỳ Kinh-lược, quan tối-cao của Nam-triều, Nam quan đều thuộc dưới quyền Kinh-lược). Rồi vài năm sau tiệu xong đảng cách-mạng Cần-vương thì Kinh-lược-nha bãi bỏ, Bắc-kỳ thuộc dưới quyền Thống-sứ, từ việc dụng nhân hành chính, đến việc binh, việc tài, đều vào tay người Pháp, Nam-triều không được hỏi đến ; tên là bảo-hộ, thực là chủ-nhân.

Khôn khéo và hiềm-độc nhất là đối với Trung-kỳ dưới quyền nội-chính Nam-triều : Trung-kỳ là thủ-đô nhà Nguyễn, trên 300 năm, văn-hóa, lễ-giáo đâm thắm vào lòng dân không phải một mai một chiều, từ sĩ-phu

Hán-học cho đến bọn nông-dân dưới thôn-dã, quan-niệm « trung-quân thủ cự » rất là đâm thắm. Bọn thượng-lưu khoa giáp chiếm vị-tri có thế-lực trong xã-hội, dân gian quý chuộng đã thành tập-quán. Người Pháp biết dân-tâm sĩ-khí không thể thay đổi chóng được, bèn thi hành chính sách che tai dây mắt, cố duy-trì cái chánh-giáo hủ-bại cố-hữu đó mãi. Triều-dinh thì trau dồi cái cảnh tượng thái-bình thông dong múa hát, sĩ-phu thời khoa-danh hàm phẩm, chuộng bả phù-vinh ; đến trong dân gian thì ù ù cạc cạc, ngoài việc cấy bừa xâu thuế, tuyệt nhiên không biết chuyện mất nước là gì ; chưa nói cả triều đã trên dưới mù với đại-cuộc ngoài thế giới là khác nữa.

Chính-sách « chia rẽ ba kỳ dễ dễ cai-trị », khiến cho một nước mà chính-thể khác nhau, đồng một dân tộc mà nâng bèn này lên, dẫn bên kia xuống, làm chia rẽ lia tan rất dễ dàng. Chỉ trong vài ba năm, người Nam-kỳ gọi người Trung-kỳ là bọn « ghe bầu », gọi người Bắc.kỳ là « dân cộc kạch » ; còn người Trung-Bắc gọi dân Nam-kỳ là « người Đồng-Nai ». Người một nước mà đối với nhau như người nước ngoài. Cái thủ-đoạn tiêu diệt lòng ái-quốc cùng phá hoại cơ cuộc thống nhất của nước Việt-Nam, công xảo đến thế là cùng !

Mà đã thôi đâu ! xứ Cao-miền trước thuộc dưới quyền bảo-hộ Việt Nam, vùng thượng hạ Ai-Lao đời Lê đã dùng làm nơi căn-cứ dựng lại cơ-nghiệp trung-hưng, sau Pháp đã đoạt được Miền Lào hai xứ rồi, cho rằng dân hai xứ ấy không làm hại lại dễ sai khiến, vừa dễ nuôi nấng, dễ lòng giúp giùm dựng từng trung li-dân, khiến cho dân Miền Lào trở lại cứu-thị người Việt-Nam. Sao vậy ? Vì người Việt-Nam trong cõi Đông-đương cũng như cái đình trước con mắt người

Pháp, không cào thấp đè nặng dân Việt-Nam làm giống nô-lệ, không thê ngời yên được.

Than ôi! Chánh-sách người Pháp rõ khốc-hại thật! Mà những bọn vi người Pháp ra tay gắng sức, tiêu-trừ giống cách-mạng Việt-Nam, như Đốc-phủ Nam-kỳ, tiệu-phủ-sứ, Kinh lược nha (Nguyễn-Thần, Hoàng-cao-Khải) người Trung Bắc kỳ là tay gộc dấy. Trương-hoàng-Phạm khắc bia ở núi Kỳ-Thạch, ghi công «diệt nước Tống là con người Hán, đầu phải là con người Hồ» (Huê công Kỳ-Thạch Trương-Hoàng-Phạm, bắt thị Hồ-nhi, thị Hán nhi 鑄功奇石張弘範，不是胡兒是漢兒) Câu thi chua xót đau đớn của Trần-bạch-Sa đề núi Nhai-son, nào chỉ khóc cho người Tống mà thôi đầu (1). Đó là chính-sách thống-trị của người Pháp bước thứ hai.

BƯỚC THỨ BA

Mở kinh thông nước lụt, xoay chuyển thị-tuyến của dân chúng, phá chịu xu-thế «Hoàng-chúng nhất-trí Á-đông»

Chính-sách «tỏa bẻ» cùng «phân ly», vẫn có thu được hiệu-quả trong một khoảng thời-gian; hơn nữa du-đảng Cần-vương trong nước, tiêu-trừ gần hết, không còn làm mối lo cho nó nữa. những tay gộc có công to trong vụ trừ diệt cách-đảng, người Pháp bèn thu cả binh-quyền, ban cho cái địa-vị tối cao trong Nam-triều.

(1) Trương-hoàng-Phạm, người nước Tống, làm tội quân Hồ-Nguyên, đem quân đuổi diệt vua tôi nước Tống, lúc chạy núp ở Nhai-son, miền biên tỉnh Quảng đông, có khắc bia chạm mấy chữ «Trương-Hoàng-Phạm diệt Tống ở đây». Trần-bạch-Sa danh nhân đời Minh, đề bài thi có câu trên, tỏ lòng đau đớn cho cái thảm kịch «đồng nói hại nhau».

ở dưới quyền chỉ-huy của mình (Nguyễn-Thần thăng Cần-Chánh, Hoàng-Cao-Khải thăng Võ-Hiền, hai chức -oạ-phẩm triều-đình), tự lấy làm đắc kể, gồi cao ngử yên, không lo ngại gì nữa, mới bắt đầu cải-cách thuế lệ ở Trung-kỳ, ưu-cấp lương bổng cho bọn quan-lại, thực-hành cái chính-sách «phò-thực thiểu-số, đảo áp đa số». Không hề ngọn triều Tây-Âu tràn sang phương Đông. Ba-Đảo Phú-Tang lạnh chân bước trước, có trận Trung-Nhật chiến-tranh (1894), tiếp đó Trung-Hoa có cuộc Mậu-Tuất chinh-biến (1898), Canh-Tý liên-binh (1900), phong-triều duy-tân cải cách lọt vào nước Việt-Nam ta, mà trận Nhật-Bản thắng Nga (1904) khêu dục người nước ta nảy ra cái tư-tưởng «tháo cũi sổ lồng». Từ thời ở trong thùng kín học sất, đột nhiên mở ra một đường huyết-lộ «Đông-học», ba kỳ hưởng-tung, cả nước như sôi, có cái khí-thể tràn khắp như nước lụt vỡ đê, làm cho cái chính-sách «ngăn-lấp» cùng «chia rẽ» của người Pháp mất cả hiệu-lực... Tay xảo-quyệt tối cao của nhà chính-trị quân buôn, trương mắt ngời nhìn, lo tính kế-sách để đối phó.

«Nhật-báo Hải-phòng» chủ-bút là người Pháp, có bài đại-luận đầu đề «Hiềm-tượng xứ Đông-dương», trong nói việc binh-sự chính-trị rất tường, sau kết-luận:

«Ngày nay xem dân xứ này như dân dã-man hay sao? Chúng nó đầu không trông cái gương duy-tân thành hiệu của Nhật-Bản, ít nữa cũng trông cái gương sắp thành chưa thành của Trung-Hoa. Văn-minh Âu-châu tràn sang phương Đông, nay đến lần tới nước Việt-Nam đây. Nhà đương cuộc cần phải xem xét thăm thẳm...»

Đọc đoạn trên, đầu là một phái dư-luận của người

Pháp, song cũng chứng rõ cái trạng-thái thương hoàng lúng túng của nhà chính-trị đối với thời-cuộc.

Thuế mới thi-hành, (công.sưu, ngân.sưu, điền thổ tái đạc), cái dau cắt dạ, quốc-dân dần dần tỉnh giấc, người Pháp bèn bỏ chính sách ngăn che như trước, mở ra nẻo đường mới. Bề ngoài thi trương cái bảng quảng-cáo « khai-hóa », bề trong thi hành cái chánh thuật « đổi dân » : nào đổi phép thi, thay giáo.khoa, nào mở trường học, bỏ Hán-học, du-nhập Âu-học, mở báo-quán.v.v.. cho đến du-học bèn Pháp cũng mở cửa hoan-nghinh, các sách danh-nhân Pháp như « Dân-trúc-luận » của Lu-Thoa, « Vạn-pháp tinh-lý » của Mạnh-dức-Tư-Cưu cũng cho người Việt-Nam xem đọc tha hồ. Nói tóm lại là công việc khai-hóa giả đổi đều hàm cái thuốc độc « nhồi sọ thay lòng » rời văn-hóa phương Đông mà xoay tai mắt chú-trọng về Âu-Tây :

a) Diệt trừ giống Hán-học làm cho lịch-sử văn-hóa cổ-hữu Việt-Nam có quan-hệ với Nhật.Bản, Trung-Hoa, một luõi dao cắt đứt.

b) Nâng cao văn-hóa Âu-tây, phò rằng Nhật-Bản bắt chước mô-phỏng theo người Âu, chỉ học được ngành ngọn Âu-học, còn nước Pháp là đất tổ đẻ ra văn-minh rực rỡ..., dặng người Việt-Nam xu vào một con đường say mê vật-chất, sùng bái người Âu đến cực điểm (Báo Nam-phong là bảng chiêu-bái, còn nhiều báo khác làm quảng-cáo cho đường Âu-học đó).

c) Lợi dụng môn học quốc-ngữ mà người Việt-Nam mới xu-hướng, tung-dưng phái Tây-học vô-thực dịch những tiên-thuyết lãng-mạn, và cực lực biểu-đương truyện Túy-Kiều là thứ thổ sản « hối dâm đạo dục »

của xứ Việt-Nam, tôn-phụng làm quốc-giáo tổ-truyền, làm cho thanh-niên mê lầm truy-lạc.

d) Mở trường Hậu.bồ đào tạo thứ nhân-tài « đầy tớ tay sai » thả khắp trong quan-trưởng cả trong lẫn ngoài, lần lần thay cả ban cựu Hán-học, thành ra một giống nhân-vật « không Á không Âu, giở mới giở cũ », (bị kiểm-đuyệt thời Nhật thuộc bỏ một hàng).

Trên là những việc dễ nhìn thấy. Trong thời-kỳ ấy, đối với nhà lãnh tụ cách-mạng Sào-Nam và Tây-Hồ, dò xét tìm tòi theo hành-dộng từng tý, ngoài thi rõ hiệp, trong thi thâm du, kêu bát chia rẽ đủ cách, song cái nghề sơn-quỷ có hạn mà nhà thầy tu núi không nghe không thấy, không biết đâu là bờ, không làm sao chuyển động được cái lòng sắt đá của hai nhà ái-quốc đó. Điều này không chỉ bọn bàng-quan bị nó che đậy mà hiểu sai cho đến người trong đảng cũng bị nó phỉnh gạt mà nhận lầm :

Từ có tiếng bom nổ ở Bắc-kỳ (Thái-binh), Cụ Sào-Nam nhíp ấy bị giam ở Quảng-đông (Long-tế-Quang bắt giam). Kế đến cuộc Âu-chiến, Cụ Tây-Hồ bị giam ở Paris, mà trong nước còn có tấn kịch hoạt động « Duy-Tân », « Thái-Nguyên » (1916), người Pháp biết rằng phần-tử cách-mạng Việt-Nam chưa dứt giống : sau Cụ Sào-Nam được ra khỏi ngục (Long-tế-Quang bị Hộ-quốc-quân Văn-Nam đuổi chạy mới tha Cụ), người Pháp thả bọn tránh hồ rình theo dò-thăm, xem xét hành động thế nào. Đồng thời trong phái Đông-học có mấy câu về thú, nó mới lợi-dụng bọn ấy để dẫn dụ, đem cái mồi thơm « ngôi cao lương nhiều » cùng « tiền bạc tru cấp » câu nhà cách-mạng, chúng đều bị Cụ Sào bác-khước (chuyện này do người Pháp... mang thơ

Toàn-quyền Sarraut sang Tàu nhờ bọn Đồng-học đã rả
thủ làm môi-giới, cùng Cụ Sào-Nam mở cuộc hội-dàm,
trong bản TỰ-PHÂN (1) của Cụ thuật rõ đầu đuôi
câu chuyện).

Kể đó bọn ra thủ trên, dùng thuyết « Binh-pháp
dụng gián » trong ngoài nên câu thông nhau, lừa phỉnh
khuyên Cụ viết bản « PHÁP-VIỆT ĐỀ-HUỀ CHÍNH-KIỆN-
THO » (1918). Trong lúc cùng sầu buồn bã, Cụ có bản
đề huề đó, chỉ cốt bán văn lấy tiền, như Hàn-Dũ
soạn bia đua lấy tiền nhuận-bút thế thôi. Vì binh-sinh
Cụ có chỗ sở đoản là « cốt mục-dịch, không cần
thủ-đoạn ».

(Bị kiểm-duyệt thời Nhật-thuộc bỏ 2 hàng)

Không ngờ cái thơ « đề huề » đó, người Pháp trở
lợi dụng làm món lợi-khi xoay chuyển tư-tưởng « bài
Pháp » của quốc-dân sang hướng khác. Nhưng còn
chưa lấy làm vừa lòng, sau cùng nó bèn dùng đến
thủ đoạn hèn mạt « bắt người giữa ban ngày ». Cụ ăn
năn đã không kịp. Song sau Cụ về nước mà được tha,
thơ « đề-huề » trên vẫn có chút hiệu-lực.

Cụ Tây-Hồ ở bên Pháp, nó cũng hăm dọa, dụ dỗ
đủ cách mà không lay chuyển được, bèn vu cho cái án
« tiếm thông với người Đức », bắt giam vào ngục... Sau
ra ngục lại tước đoạt cả sanh-kế, làm cho cùng vô sở
xuất. Bức thơ « 7 điều » gửi cho vua Khải-Định lúc
sang Pháp, càng làm cho phái nghịch nghi kỵ thêm lên.
Đến ngày Cụ về, trong túi không có một xu, nhờ có
5, 3 đồng-bào bên ấy giúp cho nhiều ít, không thì đã
làm cá khô dưới vũng bánh xe rồi. Người Pháp biết có
về trong nước cũng không hành-động gì được nữa, nên

(1) Xem Tự-Phân (Anh-Minh đã xuất-bản).

cho về, lại có ác-y là mượn tay khác làm hại cũng
nên (Cụ với phái quan-trưởng Việt-Nam là kẻ thù độc
nhất kia).

Đó là bước thứ ba chính sách ly-dân đảng cách-
mạng Việt-Nam cả trong lẫn ngoài, tấn-triển một bước
rất dài.

BƯỚC THỨ TƯ

**Bủa dăng lưới bầy, thiết hành chính-sách tia giống
tốt để giống xấu (khứ Lương lưu sứ 去良留莠).**

Hàn-học tiêu-diệt như thế kia, Âu-học trẻ non như
thế này, lại thêm phương-thuật « rán dầu ép mỡ, nhồi
sợ dôi lòng » rất mực châu-đáo. Sau trận thắng Đức,
2 nhà lãnh-tụ cách-mạng Việt-Nam về nước, rồi Cụ
Tây-Hồ qua đời, Cụ Sào-Nam lại như chim vào lồng,
ngoài ra các bạn cách-mạng cũ, hoặc ra ngoài, hoặc bị
tù tội, có bọn được ân-xá, thay mặt dôi lời, đua hót
đặng kiếm một chút quan... Kiêu-khí người Pháp đã
vụt cao lên đến chín tầng trời, có thể vượt rầu cả
cười : « anh-hùng đều vào khuôn ta cả » (thiên hạ anh-
hùng tận nhập ngô câu trung hỷ 天下英雄盡入
吾彀中矣).

Nhưng nào có biết việc trên đời thường hay lọt ra
ngoài ý liệu thông thường ; con nhà thầy thuốc giỏi
hay chết vì bệnh, con nhà đồng bóng hay chết vì ma
quỷ, hình như bác trời già kia có ý làm trò giỡn để
trêu người :

Đứng giữa bầu trời dặt vui mừng, trường hát như
rừng, tiệc rượu như mây tuôn, tiếng ca tụng như sấm
đậy, cùng nhau vỗ tay hô reo, mà ngằm ngằm trong
khoảng không vô-hình, nào nước « Ô-thác » của lý-

trường Mã-khắc-Tur, nào chính-phủ lao-nông thực hiện của Lê-Ninh, đất bằng vạt dầy, thừa chỗ trống hở mà xông vào. Phần-tử Âu-hóa nước ta cả trong lẫn ngoài, bị tấn kịch mới kích-thích một cách khá mạnh; gồm thêm một vài bạn cựu đảng cùng bạn công-nhân lao-động hợp thành một khối, tạo ra cái phong-triều biến-tướng to tát. Trên mười lăm năm lại đây nào giai-cấp đấu tranh, nào lao-tư xung đột, nào dinh-công, nào biểu-tình, hầu như gió cuốn khắp trong nước, làm chính-sách của người Pháp từ trước đến nay, toàn không chút hiệu quả gì cả. Cách đối phó đã cùng, không biết làm thế nào, hèn thẳng tay thì ngôn độc-ác là « tia giống », một mực giống tốt thì cào dấy đi mà phù thực giống xấu, không còn kiêng kỵ gì cả.

Thứ chánh sách này, nhiều như lông trâu, dầy như lưới nhện, không sao kể xiết, xin nói đại khái :

a) Số dinh mỗi năm mỗi tăng, điền thổ dặc đi dặc lại, khai khẩn, họa bản đồ, phát giấy trích-lục, tăng số sào mẫu, bắt buộc nộp tiền không biết mấy lần, lại gia số tỷ-lệ, trên số tỷ-lệ lại gia thuế tỷ-lệ chớ tăng thêm lên, Bọn công-nhân mỗi tháng 10 đồng, 12 đồng, dân nghèo có sào ruộng cũng không tránh khỏi nạn « lửa thành ao cá » (thành môn thất hỏa, 殃及池魚).

b) Trồng thuốc, đồn củi đều bị hạn chế, điền lệ thương-chánh kiểm-làm, mù như khói biển, dân quê không biết đâu mà tuân theo, động chút gì là tịch-thu, phạt tiền (trồng thuốc, đất trồng bao nhiêu sào mẫu, hái vào số thuốc được bao nhiêu, toàn thuốc lá bán được bao nhiêu, thuốc xắt bao nhiêu, tòa Thương-chánh phạt một quyền sỏ nhỏ, nhà trồng thuốc buộc phải mua

quyền sỏ ấy, khai trình từng món, bắt thời đến kiểm soát, dân bà thôn quê thường mang thuốc ra chợ đổi gạo đổi muối, bị phạt luôn luôn).

c) Luật vi-cảnh thi-hành trong hương-thôn, Phủ, Huyện như tòa Cảnh-sát ở thành-phố, Bọn hào mục bắt lương, mượn cơ làm rối dân quê, bắt luận việc gì, đều dùng điều luật « vi-cảnh » làm lưới bủa dân, giải quan trình phạt, nha Phủ Huyện có quyền được thâu khoản phạt từ ba đồng trở xuống, đồng niên Phủ Huyện nào thu được số bạc phạt « vi-cảnh » nhiều, ấy là vị quan tốt. Luật buộc lãnh rượu, bắt dân mua rượu ty càng gắt hơn.

d) Luật mới đặt những khoản phạt như cái cân không « chi », « sao »: đồng một cái án mà phạt từ 80 đến 800 đồng, hoặc từ 100 đồng đến 500 đồng, giam từ ba tháng đến một năm, hoặc một năm đến năm sáu năm, quan Tòa tự ý muốn kết án nặng nhẹ, cao, thấp tự tay, dân không chỗ kêu van gì được.

e) Thuế môn-bài các nhà buôn cả lớn và nhỏ ở thành-phố, mỗi năm mỗi tăng, thuế chợ cũng thế, cái đó cố nhiên phải chịu. Đến như nông dân cũng tăng trong thôn quê, lúc mùa nông rảnh, có món thổ vật chè cau rau quả v.v. . . , buôn bưng bán xách, cùng tấm lều bán nước chè củ khoai, cũng buộc phải lãnh môn-bài chịu thuế; như bữa nay bán con gà trứng vịt, ngày mai bán nhảm rau, nghề vận vật không chuyên nghiệp cũng phải nộp thuế môn-bài.

g) Qui-điều hạn-chế trẻ con vào trường học, rất là nghiêm mật hơn tù tội nhà ngục, học-sinh con con mỗi năm mỗi đổi giấy khai sinh, giấy khai sinh do lý-trưởng làng sinh đóng dấu ký nhận, lại buộc phải có chữ ký

và áp triển của công-sứ tỉnh, lại buộc có giấy khai tính hạnh, ở ngụ nhà nào, người nào bảo lãnh, các món giấy ấy đều phải dán con tem, tuổi học trò theo niên hạn đã định, nếu trời sụt một hai tháng cũng cho là bất hợp lệ, bác khước đi không được vào học.

Ngoài ra có chút sanh kế gì gì trong dân gian đều can thiệp đến bắt từng đầu người thu từng thùng lúa, thậm chí cây ruộng nhà mà không biết số lúa thu hoạch mình có được ăn hay không. Bất luận món sản nghiệp gì đều hiện cái tình trạng khủng bố như thế. Trong khoảng «Lao tư xung đột» (1936-1937), báo chí khỏi kiểm duyệt hơn một năm, những tiếng kêu oan gọi khuất trong dân gian, còn cáo tố được một hai điều trong phần trăm, gần mấy năm nay thì không biết kêu gào cửa nào, toàn trong nước đều thành như «dừa cầm ăn Hoàng-liên» (à tử ngật Hoàng-liên 啞子吃黄连).

Trong thời-kỳ ấy, chánh thuật thống-trị thay đổi diễn tấn có vài tấn kịch, khiến người ta không sao quên được.

1) Hai Cụ Sào-Nam, Tây-Hồ về nước, quốc-dân đương óm lòng quan-vọng, đồng thời vua Khải-Định thăng-hà (1925), đức Bảo-Đại lên ngôi mà tuổi nhỏ, còn du-học bên Pháp, nhà chánh trị Pháp lo ngại, e dân gian có sự táo-dộng rắc rối, bèn bức quan Cơ-mật Nam-Triều (tức Nội-các Thượng-thơ) cùng ký một hiệp-ước, tước cả cái chủ quyền con con còn sót của Nam-Triều, đổi cuộc «Tư-phông» làm Nhân-dân đại biểu viện, giã phò cái tiếng đẹp. Trong hiệp-ước có điều:

«Cho nhân dân có quyền tham gia chính-trị». Hiệp-ước mới (1925) ban bố, hạn thanh-niên Âu-học tổ tỉnh

hoan nghinh, phái cụ-học có tri-thức cũng nhận rằng có cái cơ-quan nghị-chánh con con hoặc giả có thể giám-dốc bọn quan lại, nhân dân đỡ phần nào hay phần ấy. Không dè dân-biểu mở hội-dồng 1, 2 lần, toàn lộ cái chân-tướng «phình giỡn trẻ con», người có danh vọng, phải áo bỏ ra, không bao lâu viện Dân-biểu trở thuộc dưới quyền Bộ Lại, không còn ý nghĩa gì cả, mà mỗi lần đến khóa tuyển cử, chia bè lập đảng, vận động tranh cử, nhứt là tranh chức nghị-trưởng cùng ban trị-sự, mấy cái ghế có xu, diễn ra lăm điều xấu xa. Rán ép đầu mở nhân dân, một năm không dưới vài chục vạn đề cương vào môn tang sức phảm «giả mạo dân ý», gần đây đã thành vật bỏ đi.

Đó là hài-kịch ngu-lộng nhân dân.

2) Nội-các Nguyễn-hữ-Bãi gần hai mươi năm, Thượng-thơ sáu bộ, có cả người Hán-học cựu và Tây-học mới, vãn tay tầm thường dung-tục, không thi-thố ra câu gì, song còn duy trì chút thể-diện bên ngoài của Triều-dinh cũ, chút quyền đối nội, gặp việc còn dám thương-lượng lại một đôi điều. Từ ngày 2 tháng 5 năm 1933, có tấn kịch «Năm Cụ khi không ngã cái inh», chỉ để một người Tây-học trẻ tuổi (thông dịch xuất thân), còn năm Cụ bị về đổi năm người mới, bộ cũ mà đổi tên mới (trước gọi Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công 6 bộ, nay đổi Nội-vụ, Giáo-dục, Tư-pháp, Công-Tác, Tài Chính, Lễ-nghi), lại thêm bộ Kinh-tế.

(Kiểm duyệt thời Nhật-thuộc bỏ 2 hàng)

Hội-dồng Thượng-thơ do Khâm-sứ chủ-tọa, lại thêm chức Thượng-thơ dân-biểu, mỗi tháng cấp bổng 400\$, (hai năm sau mới bãi), từ đó chính-phủ Nam-triều còn mỏng manh như một sợi tơ, thành ra phòng giấy phụ-

thuộc tòa Khâm-sứ, việc gì cũng do Tòa Khâm đưa sang, Nam-triều chỉ ký tên.

Đây là ác-kịch ngu-lộng Nam-triều.

3) Trước kia các Tỉnh, Đạo, Phủ, Huyện, còn có cru ban Hàn-học, bọn này vô tài ít học, thấy ngồi ăn lộc không làm được việc gì hay giỏi, nhưng còn có người không dám làm điều ác, vì chữ Pháp chỉ học hiểu chút ít, việc gì giao-thiệp còn nhờ bọn thông dịch, khó trực-tiếp được, nên có chỗ kiêng sợ. Nay bọn mới Phủ, Huyện, từ trong lò nô-lệ đào tạo ra (có khoa thi tri-huyện), đã luyện thành tánh cách thứ hai, thù phụng ứng đối giao-thiệp là ngọn sỏi-trường, lại thêm mặt nạ văn-minh để giúp che bề ngoài, bọn ấy thả khắp châu quận, như thả hùm beo vào trong bầy dê, chọn con nào mập béo là ăn thịt, không việc gì là không làm được.

Đó là kịch mới trong nô-trường.

4) Dân-tộc Việt-Nam có một ngôn-ngữ, đồng một phong-tục lễ-giáo, không có gì khác nhau, người Pháp chia ra Nam, Trung, Bắc 3 xu-vực, thi hành cái chính-sách so le để chia rẽ ra, thuật ấy đã xảo-quyệt lắm rồi, mà đã đủ đâu! lại lập ra chính-sách «liên-bang» ba xứ Trung, Nam và Bắc-kỳ Việt-Nam cùng Ai-Lao, Cao-Miên, sắp hàng ngang nhau làm 5 xứ (bang) thuộc dưới quyền Hội-đồng chính-phủ Bảo-hộ Pháp. «Dưới chia rẽ nhau thì trên được an», người Pháp quen dùng thuật ấy đã lâu mà rõ rệt là chính-sách «liên-bang» đó. (Người Pháp đối với linh tập Việt-Nam, có việc gì làm ra đối ngoại như hai cuộc Âu-chiến v.v..., lại phó-thực linh Miên, Lào, để phòng ngự người Việt-Nam, ngày nay còn thế. Vì chuyện đầu-độc Hà-nội cũng phá ngục Thái-nguyên, vụ bạo-động ở Yên-báy, các hoạt-kịch trên, người Pháp rất ghét linh Việt-Nam).

Đó là tấn kịch về việc thống-trị.

5) Mấy năm trên, phong triều cộng-sầu từ xứ ngoài tràn vào, mà mạnh nhất là trong có người Pháp cộng-dộng và biểu-dồng tình như đệ tam đệ tứ quốc tế, bọn thiếu-niên Âu-học cùng phái lao-động nhân làm đồng-chí, Chân tướng trong ấy không rõ từ đâu đưa đến, mà phần tử ưu tú cũng có bọn hòa theo, một lần bị bắt giam tra khảo, thời thì khai vu chùng bầy, liền lụy vô số. Trong có bọn được tha và án tình nghi, gia cho cái dây buộc «quần-thúc», không có quan trên cho phép thì không được ra khỏi làng một bước. Trong làng có dạy con em học a, b, c, cũng bị truy tố «dạy học lậu»: ngày kỵ giỗ cùng chạp, cùng đám cưới gả, có 5, 3 người bà con nhóm họp lại, nếu không trình với quan địa phương cũng bị bắt giam cứu. Trong gia-đình của mình thành ra nhà ngục, đó là chưa kể bao nhiêu kẻ làm ăn đều phải bỏ cả (kịch này ở tỉnh Quảng-ngãi năm trước rất khổ).

Đó là thảm kịch trời buộc hạng bình dân.

6) Xã-hội phương Đông lấy gia-tộc làm bản-vị, triều thì thay đổi mà nền móng hạ lũng, trước sau không bị lay động, đó là đặc sắc sẵn có ở các nước phương Đông, không như xã hội Âu-tây lấy cá-nhân làm bản-vị. Người Pháp thi hành cái xảo thuật phá hoại nền hương tộc cổ hữu nói trên, phò cái tên tốt là «cải lương hương chính», một làng đặt một hội-đồng cùng hương-biểu, tộc biểu, các sắc mục mới mà cái gì cũng can thiệp vào, trong làng có thu xuất một đồng tiền một hột lúa, cũng phải do quan chuẩn thừa, một năm khai trình số mục như là bị tịch thu vậy.

Đó là xảo kịch phá hoại nền hương tộc.

Trên là kẻ đại lược, đến như nông đoàn thương đoàn cùng các đoàn khác, thường dùng quân bắt lương sung vào các đoàn, đạo khắp dân trong hương thôn, lục soát hăm dọa, người nhà dân quê nớp nớp lo sợ như bọn trộm cướp sắp đến. Ngày ăn nửa bữa không no, mà đêm lại nằm ngủ không yên giấc, không biết ngày mai sẽ xảy đến những gì. Than ôi! rõ khóc hại thật!

Tuy thế, chuyện trên còn là chánh thuật có quy hoạch. Đến từ cuộc Âu-chiến mở màn, Paris cái ổ nhà bị vỡ, thời thì người Pháp ở Đông-dương này, thần-kinh hoảng hốt đã bày ra trạng-thái rối loạn. Đối với xứ « Đông-dương Hoàng-kim » này, công phu kinh doanh khó nhọc 70, 80 năm mới được hưởng, như của ồm trong nách, nay muốn giữ mà không giữ được, muốn bỏ lại không khăng bỏ. Vài ba năm lại đây (1929, 1930, 1931), ngoài thi phở diễn môn trang sức phẩm, mua cười trẻ con, trong thời thực hành thủ đoạn cướp đoạt, một nói rằng nghiêm trị bọn đầu cơ buôn bán chợ đen, hai thì nói « cổ-lệ dân gian sanh sản », thực ra, lũng-đoạn (tóm thu) tất cả sinh kế trong dân gian, cướp đến bữa cơm hằng ngày, cho đến nhà nông có lúa mà không được chứa để phòng ngừa năm đói, kẻ không gao, có tiền mà không biết mua ở đâu, sanh mạng mỗi người tại trong buổi mai buổi chiều, dân tình rất là xôn xao. Hành vi như thế, không gọi là chính sách, chỉ là hành động rối loạn, như con chim cùng thi mổ bậy, con thú cùng thi cắn bậy.

Song lẽ, thế-lực sở hữu của chúng ở đây, như trên đã nói, dùng ra việc đối ngoại phòng thủ thì không đủ, mà dùng để tiêu trừ người Việt-nam tay trắng chưa không thì có thừa. Bởi vậy, hiện người Việt-nam

ngày nay, trừ đám quan trường được chúng nó phù thực, giá áo túi cơm làm như bầy sê ở nhà, tự phò đắc kế. Ngoài ra phần đông như cá ở trong nổi nước sôi, như chim ở rừng cháy, trong cái thảm ách lửa hồng nước ngập, lòng trông mong có người đến cứu vớt, không hẹn nhau mà ai nấy vẫn đồng một mối chân tình. Đó là việc không cần dấu điểm gì nữa.

Và lại trên kia tôi có nói « tế thuốc hồi sanh » đó, không chỉ phương thuốc kinh nghiệm cứu giúp dân tộc Việt-Nam trong thời cấp bức không thể chờ đợi lâu được, mà đối với con đường trật tự mới Đại-Đông-Á đương tấn hành, cũng là việc cần cấp « trừ cái ác phải tận gốc » (trừ ác vụ tận 除惡務盡), cũng là bài thuốc không thể thiếu được.

Xin nói lý do :



Hiện-trạng Việt-Nam đối với xu-thế tân trật-tự Đại-Đông-Á lợi hại thế nào?

Theo chỗ tôi suy trắc mà không lầm, thời Đại-Nhật-Bản đối với xứ Đông-dương, không dùng võ-lực mà chỉ dùng thủ-đoạn ngoại-giao với chiến-cuộc hiện thời, có những điều lợi, trước tai mắt mọi người, không phải nói vu :

1) Lục quân viễn-chinh Đại-Nhật-Bản, chỉ dùng cái chiến-thuật mượn đường nước Ngu dặng đánh nước Quắc (giả đạo ư Ngu dĩ phạt Quắc 假道於虜以代 殺), thắng xong mấy xứ thuộc-địa Anh: Mã-lai, Tân-gia-Ba, mau lẹ không gì sánh bằng, khiến cho quân địch vội vàng sang sốt, không kịp phòng bị, Hoàng-quân thu-hoạch những chiến thắng rất vẻ vang. Một điều lợi.

2) Paris bỏ ngõ cùng ký định-chiến với Đức, nước Pháp không còn là cái nước nữa. Miền biên-giới Thái-Lan — Đông-dương có cuộc xung đột, người Pháp đã bày tỏ cái tương hèn yếu, không đủ thực-lực chống với Thái-lan, huống là đối với Hoàng-quân. Hơn nữa cảm-tình đồng chủng da vàng giữa Nhật-Bản và Việt-Nam đã sẵn khấn khít nhau, Việt-Nam sẽ là một phần-tử trong vùng thịnh-vượng chung Đại-Đông-Á, nếu dùng binh-lực đối với người Pháp như người đã té giếng má vác đá dè lên trên, có hơn cũng bất võ, lại phòng hại đến cảm-tình người Việt-Nam, sao cho bằng dùng cách «Tiếng trời không giết» (thiên thanh bất sát 天聲不殺), ngồi thu cái thắng trước đánh phục lòng người. Hai điều lợi.

3) Theo thăng toán « giao nước xa đánh nước gần » (viễn giao cận công 遠交近攻), trước cùng nước Đức nước Ý bên Âu-châu cùng ký trục « Tam giác đồng minh », nay Pháp đã hàng phục nước Đức, vội nói bài Pháp có quan ngại với nước « Trục » và khêu mối ác cảm với các nước trung-lập bên Âu Mỹ. Người Pháp lại ưa thích trang sức thể diện bề ngoài, nên gác chuyện chủng tộc màu da trắng vàng ra sau, và tách riêng nước Pháp ra ngoài phái Anh Mỹ, lư một sợi tơ « quốc tế » thể diện trên trường ngoại-giao, mượn cái chính phủ Vichy « có xác không hồn » dặng thao túng các nhà đương cuộc Pháp ở Đông-Dương tự nhận trung thành với tổ quốc, muốn yêu sách việc gì cũng dễ dàng, khỏi tổn mất nhiều công phu. Ba điều lợi.

4) Thế lực Anh Mỹ ở Á-dông cùng các căn cứ quân sự đã bị quét sạch thì Đông-dương của Pháp, cỡi đất hòn đạn đó như vật ở trong tay, da đã không còn thì lông dựa vào đâu? Đuổi chúng nó bằng cách không đuổi, chỉ là vấn đề thời gian, không cần phải hy sinh quân lính vào những nơi không đáng hy sinh. Và lại bao nhiêu thuộc địa của Pháp lần lượt đổi chủ mới, mà một giải Đông-dương nhờ có Hoàng-quân nhận làm địa-diểm phòng thủ chung, chủ quyền bảo hộ của chúng nó còn đứng được vững; người Pháp dầu bạc bèo, cũng phải mang cái ơn Hoàng-quân, lấy ngay Đông-dương được mà không nở làm. Bốn điều lợi.

5) Việc binh là đạo quỷ quyết, kẻ tham kẻ trá đều sai khiến được trong lúc cần dùng, và nhà lương thực bên địch là chiến lược nhà binh xưa nay thường dùng. Đương giữa thời kỳ phạm-vi chiến cuộc mở rộng, ngày tháng lại kéo dài, quân địch chưa tiêu diệt, hai bên còn tương tri nhau, điều cần cấp nhất là « quân sự

hợp tác» và «kinh-lễ hỗ-trợ» mà toàn cõi Đông-dương, việc binh và tài-chính còn ở trong tay người Pháp, thủ tư có phần tiện lợi. Hơn nữa, khoa binh tài chúng nó sẵn có nhà chuyên môn, được tay giúp đỡ rất đắc lực không phải như người Việt-Nam tay không chân rời, thiếu môn khoa-học. «Được kẻ thù khôn, hơn được người bạn dại». Năm điều lợi.

Đấy duy trì hiện trạng xứ này trong thời kỳ chiến tranh, có năm điều lợi nói trên (như Ngụy đảng nước Tấn đời Xuân-Thu, chủ trương hòa với mọi có năm điều lợi), thực sự hiển nhiên không chối cãi được. Tuy vậy, dưới trời không có việc gì tuyệt đối toàn lợi mà không có điều hại cùng đi cặp kè một bên.

XIN NÓI ĐIỀU HẠI

1) Việt-Nam là nước Pháp thứ hai ở phương Đông. (xem nó gọi Đông-Pháp thì rõ), như kho ngoại phủ của Paris, dầm thắm sinh nở ở đấy, đã 80 năm nay, một mai mất cả chủ quyền há phải vui lòng, hai tay bung dăng cho người khác dẫu, chỉ khuất với sức mạnh dấy thời. Bởi thế nên bề ngoài chịu nhìn đau đớn, nên giả làm bộ dáng thân thiện, mà bề trong ôm cái mộng-tưởng «Bá quyền Âu Mỹ» ở Á-dông không giây phút nào quên, ngày đêm cầu chúc cho Anh Mỹ đắc thắng. Cuộc chiến tranh kéo dài, một mai quân phản công Anh Mỹ có cơ hội tốt đập chân đổ bộ đến đất Đông-dương này thì quân nội-ứng có sức mạnh như Pháp thuộc Phi-châu mở cửa rước quân Anh Mỹ vào, đó là cái gương rất rõ ràng vậy.

Điều hại nên phòng dấy là một.

2) Một nước đứng hàng văn minh đầu đẳng, khoa-học nổi tiếng, chiến thuật cai trị thuộc-địa rất là tinh-

xảo, mà sở trường nhất là cách ly gián, lâu nay phủ- thực người Lào mà áp chế người Việt-Nam, không phải một ngày (có sự biến thì lùa quân Việt-Nam ra trước mà để lính Man Lào ở sau. Thủa nay thường xen lính Phi-châu, lính Ấn-độ vào, không để đội quân nào toàn người Việt-Nam. Phàm các nhà ngục lớn, lính Việt-Nam thường ở dưới quyền chỉ-huy của người Phi, người Ấn (tức người Pondichéry thuộc Pháp), thứ thì lính Man, Lào và Mọi (vì không tin người Việt). Hiện ở Miền thượng-du giáp mọi, có cái mô-dáng «làm nội-chánh gọi quân lính», một giải trường-sơn cùng rừng núi Man, Lào, những vùng rậm rạp chằng người ít đi đến, biết đâu không phải là nơi chứa giấu quân khíặng dùng làm căn cứ quân sự chờ lúc có sự biến. Nhọt ung thơ dựa sát sau lưng làm hại không nhỏ.

Mối hại đáng phòng dấy là hai.

3) Cái cách phản diện tuyên truyền, dụng tâm rất khôn khéo, như tướng Pháp hiện dẫu nhập với quân Anh Mỹ (De Gaulle, Catroux v.v...), nhà đương cuộc Đông-dương bề ngoài vẫn gọi là «đảng nghịch hội phản», mà thực là tuyên dương thanh thế, tỏ cho công chúng thấy người Pháp chúng có hậu thuẫn hùng cường và anh-hùng cứu quốc, xoay đời thị-tuyến dân chúng, nhứt là bọn trung với cơm áo và phải trẻ tuổi cạn lòng không khỏi bị lừa.

Đấy là điều hại thứ ba.

4) Trong khoảng mới khai chiến với Đức, có một số lính Việt-Nam sang Tây đến lối ba vạn (sau còn mộ thêm, vì có hai tuần đã ký đình-chiến, nên số mộ sau được tha về). Sau đình-chiến rồi, toàn số mộ binh

Việt-Nam còn ở bên Pháp, hóa làm lính làm thợ, làm nông làm nghề nghiệp khác, và sung vào đội quân Đức, hoặc theo đảng đầu nhập quân Anh Mỹ. Hiện ở dưới hiệu cờ chúng nó, lẽ cố nhiên bọn lính mộ đó phải theo lệnh trên, trải qua một lần huấn luyện, đã thành đội quân tinh thực. Thời thế xoay chuyển, một ngày kia Âu Mỹ thừa tiện phản công sang phương Đông thì mấy vạn lính Việt-Nam nói trên, tất bị chúng nó lợi dụng; đối với xứ Đông-dương, lính mộ ấy sẽ là đội quân cầm tử di xe lạnh và đường quen; ngoài ra người Việt-Nam sang du-học và làm việc còn bên Pháp cũng đông, «tên ở trên dây cung không bắn cũng không dặng» (thĩ tại cung thượng bất đắc bất phát 矢在弦上不得不發).

Đây là mối hại thứ tư nên phòng.

5) Hiện ở Đông-dương này không có cái gì là chính-sách giống như chúng nó cũng không có làm được việc gì. Duy có phò thực bọn dầy tớ, bóc lột dầu mỡ nhân dân; ngoài ra hằng ngày tuyên truyền thánh kinh «Vichy phục hưng» cùng các trò chơi thể thao vận động, đoàn hướng đạo, đua xe đạp, đá banh, đánh vợt, thường ngày cồ lệ với phái thanh niên bên Pháp như thở một hơi lỗ mũi, xa xa cùng hưởng-ứng nhau. Bọn trẻ tuổi trong nước, không có học thức, hòa theo như chạy, mua vui rước cười, được một món thưởng gì đã cho là vinh dự vô thường, không biết trời đất gì nữa. Một mai bọn trẻ tuổi bị thế lực sai khiến, biết đâu không phải là đạo quân người chợ mà chúng hòa vào nơi chỗ chết (trị chi tử địa chi thị nhân chiến 置之死地之市人戰).

Đây là mối hại đáng phòng thứ năm.

6) Hoàng-quân Đại-Nhật-Bản đè áp trên xứ này đã hai năm nay mà còn đương cái địa-vị «nửa chủ nửa khách», người Việt-Nam vẫn bâng khuâng trên con đường ngã hai «cả Đông cả Tây», «ở giữa hai bà gia khó làm nằng dàu». Kể khiếp nhược đi tới ngõ hai là quay gót; kể mạnh dạn cũng ném con chuột mà sợ đụng chạm đến khi dụng khác; còn người Pháp thì cái ngọn che dầy, kêu chọc rất là xảo-quyệt, nào tạo vu, nào niết ra chứng cớ «thần Nga, xích hóa» «bài ngoại, nhiều loạn», những tội danh đó muốn gia cho ai tự ý. Đó là chuyện cơm bữa thường thấy luôn.

Đối với con đường tán trật-tự Đại-Đông-Á, trở lực ngầm ngầm ở trong, không phải là ít (nha bộ nọ có cậu thuộc viên trên bàn có quyển sách «Nhật-ngữ», Bộ-trưởng dò biết cho là việc đại nguy hiểm, tư trình thay chỗ nơi khác; ngoài ra vì có «tình nghi thân Nhật» mà bị dỗi, mang lụy, nhiều người lấy làm tự nguy).

Đây là điều hại thứ sáu.

7) Cuộc Trung Nhật chiến-tranh mở đầu hai ba năm, vài tỉnh Trung-Hoa liền biên-giới Việt-Nam (Quảng-Tây, Vân-Nam), quân-khí nước ngoài du nhập nội địa Trung-Hoa, gửi kình chở ngầm, nẻo đường trên rất là đặc lực. Nay đường vận-du quân-khí đó đã đoạn-tuyệt, song chính-phủ Trung-Khánh cùng Anh Mỹ và Nga cùng ký quân-sự đồng-minh; Ấn-Độ, Úc-Châu, Trung-Khánh và Tây-bá-lợi-Á, căn-cứ quân-dịch còn chưa quét sạch. Hễ có chỗ hở thì có chuyện «ám dãn, tiềm thông», «lậu sự du dịch», sự thế tất có, biên-giới Bắc-kỳ thường bị tàu bay quân dịch oanh-tạc cùng những thuyền vận-tải tàu ngầm quân dịch đánh chìm, những án đã phát ra là chứng thực rõ rệt. Hàng kiến võ dè, lửa tàn cháy núi; đây là mối hại thứ bảy.

8) Quyền lợi chúng nó ngồi hưởng đã lâu cùng phải trung thành mà được chúng nó phò-thực, gốc rễ bám khắp các yếu-diểm trong triều ngoài quận. Phải « duy trì hiện trạng », bùa bợn tránh hồ ra khắp nơi, vận động đủ cách, như phò rằng « chánh phủ dưới quyền bảo hộ người Pháp là hợp với dân nguyện », chính là bợn bù nhìn do giấy máy trong màn diễn kịch ấy kéo dặt sai khiến, làm cho nghe thấy xôn xao, lòng người nghi hoặc, mỗi nhiều loạn phía sau nền trật tự mới Đại-Đông-Á, bợn nói trên là bợn có thể lực đấy. Đó là mối hại thứ tám.

9) Khoảng giữa Nhật-Bản và Việt-Nam có cái hào sâu cách biệt, chúng bèn nhân chỗ trống ấy, đào ngạch xây hầm, xoi bên này lấp bên kia, bề ngoài tỏ ra cái bản đáng « không có chúng nó tất sanh ra cuộc nội loạn », mà bề trong thì cái ngọn xảo « nó chiếm điều ơn mà trút mối oán cho người khác » như vật giá vọt cao, nó quy tội cho bợn đầu cơ mà chúng nó chính là then chốt cầm gốc cuộc đầu cơ. Nam-kỳ sẵn gạo dồi dào, nếu thông lưu dễ dàng, trong nước làm sao có nạn đói. Chúng nó mượn cờ chiến tranh và quân sự, phò rằng xe thuyền bắt dùng về việc binh nên vận tải khó khăn...). Theo cách hành vi của chúng nó, lòng tham quét biển, dầy đất Việt-Nam này chẳng bao lâu sẽ thành ra ruộng đá (thạch diềm), đất không sanh sản. Trong vùng thanh vượng chung Đại-Đông-Á mà có xứ như chậu úp dưới vòm mây đen che phủ, bóng sáng mặt trời không dội vào, thì vùng thanh vượng chung này sao cho viên mãn được?

Đó là mối hại thứ chín.

10) Cuộc chiến tranh kéo dài, Anh Mỹ được thắng, chúng nó lấy làm sướng bụng đã phần; nếu Anh Mỹ

thua, nó cũng viện cớ hợp tác với «Trục», vận động kêu bát, cố giữ giải đất này, áp chế nhân dân Việt-Nam, quyết dành cái địa-vị có sức mạnh ở trung gian. Thế là cái mục đích « Á-châu của người Á-châu » không sao triệt-dễ được. « Một ngày thả giặc dễ họa và đời (nhất nhật tung địch sở thế chi hoạn 一日縱敵數世之患), « Trời cho không lấy, trở lại mang hại » (thiên giữ bất thủ phản thụ kỳ ương 天與不取反受其殃), câu danh ngôn của hiền triết phương Đông, kinh nghiệm đã lâu.

Đấy là mối hại thứ mười.

Như trên đã nói, duy trì hiện trạng xứ này, vẫn có điều lợi, có lợi tạm thời trong thời kỳ chiến tranh, mà cái hại thì không chỉ ở hiện-tại mà thôi, lại dễ mối hại về tương-lai, không làm cho triệt để được câu « thời không trở lại hai lần » (thời bất tái lai 時不再來) của cổ nhân, nên lấp đi lấp lại thay!



Việt Nam chuyên thuộc dưới một chủ- quyền chân chính với bốn đại cường trật- tự mới Đại Đông Á



« 2 mỗi lợi cùng cân nhau thì lấy bên nặng, 2 mỗi hại cùng cân nhau thì lấy bên nhẹ », hai điều so sánh nhau như trên đã bày, tưởng không đợi so đi tính lại nhiều lần, mà nên quả quyết làm ngay đi.

Hướng rấn tới một bước mà đánh đổ hiện trạng xứ này, Việt-Nam được có chủ quyền chân chính độc nhất thì sao?

Cuộc thánh chiến Đại Đông-Á, mục đích độc nhất đã nêu 4 điểm đại cương trên con đường trật tự mới mà toàn cả dân tộc Đại-Đông-Á đều cùng nghe:

- 1o) Kinh-tế hỗ trợ;
- 2o) Binh sự hợp tác;
- 3o) Văn hóa cầu thông;
- 4o) Nội chính tự trị.

Do chỗ kiến giải của tôi mà không nên làm thi nước Việt-Nam chúng tôi có Chánh-Phủ thống nhất trung ương tập quyền, đương có tình thế như dưới:

1) Chủ quyền Kinh-tế, hiện ở trong tay người Pháp, riêng nói tự lực sinh sản cùng vật sản thiên nhiên người Việt-Nam chỉ được hưởng 2, 3 phần 10, ăn cái thừa thãi (như 1 mẫu ruộng dân nghèo, nào thuế chánh ngạch thuế tăng hạng và tỷ lệ cùng tạp thuế không kể

xiết), ngoài ra cái gì cũng bị chúng nó xâm đoạt. Hiện chúng nó nhận chịu khoản cung cấp cho Hoàng quân không rõ bao nhiêu, song đều là lấy máu mủ của dân Việt-Nam cả. Một mai thuộc dưới chủ quyền chân chính tự-trị, đói thì dễ ăn, khát thì dễ uống, sanh kế của người Việt-Nam được khỏi cái khổ can thiệp và bóc-lột thì sức sanh sản có lẽ tăng xấp lên, như vậy được tho cái khổ trước mắt. Huống các món thuế ngoại ngạch như xe, thuyền, bưu-điện, rượu, nha-phiến, kiểm-lâm, thương-chính, nhập cảng, xuất cảng, v.v., người Việt không được biết đến, số ấy to tác biết bao, chưa kể mở mang nguồn lợi kia.

2) Binh sự hợp tác « như trước đã nói đôi tướng không đôi quân » (dịch sùý bất dịchi tốt 易帥不易卒) thì ở dưới chủ quyền chân chính mới, những người lính đã luyện tập đều là binh mà công-khai chiêu-mộ bọn tình-nguyên tướng không ít.

3) Còn việc văn-hóa, trước 30 năm lúc còn bế quan tỏa cảng hải cấm rất nghiêm, mà con đường Đông học mới có kể hồ ty ty, phong triều vừa nhóm dậy, trong khoản hai ba năm (1905-1907) bọn thiếu niên mạo hiểm chùng lên tềch sang tận xứ Phò-tang đã có số trên hai ba trăm. Vả lại Tây-phương với Đông-phương tình hình không đồng nhau, lễ giáo phong tục cũng khác, đường biển cách xa đến ngàn muôn dặm, khoản học phí lại to kèngh mà bọn quan thần Việt-Nam cùng nhà giàu cho con em sang Pháp học, cốt tìm cho được thứ « trang sức phẩm » là mảnh bằng tốt nghiệp. Huống Việt-Nam với Nhật-Bản chỉ một chiếc thuyền bơi như Đại-Ôi Trùng-Tin đã nói « cùng là học trò Khổng-Tử » (Khổng-Tử môn đồ 孔子門徒), tánh tình phong tục gần giống nhau, lại đồng văn đồng chủng, đồng

màu da, văn hóa cầu thông rất dễ dàng như nước với sữa hòa lẫn nhau, không phải như văn hóa đông tây như cái vuông với cái tròn tróc nghếch không ăn nhịp học tây khó học là chừng nào, cái đó dễ hiểu.

4) Bốn đại cương trên nền trật-trị Á-Đông đã vạch như trên đã nói, Chánh-Phủ Hoàng-quân dưới bàn tay sắt tới một bước nữa, thì ở xứ Việt-Nam này, 3 đại cương trước « binh sự, kinh-tế, văn.hóa » có thể như chẻ tre, theo lưỡi dao mà đi thẳng. Duy có vấn đề thứ tư (nội chính tự trị) danh chánh ngôn thuận, tất tự người Việt tự động theo chỗ tôi thấy thì hiện tại

(Kiểm duyệt thời Nhật thuộc bỏ cả trang)

8) Tề thuộc mạnh thế nào?

Điều nói dưới này đối với chương trình dự trừ của thượng-quốc cũng phương châm mà trường-giả toan liệu đang tấn hành, tôi là người ngoài cửa (ngoại môn 外門漢) không rõ có điều gì dễ ngờ không? song trong lòng đã cho là phải, nên phải nói thực không dám dấu. Nếu dùng dặng thì chọn lật lẩy, bằng không thì gát xó là tốt.

Theo sở kiến của tôi mà không làm thì tề thuộc ấy chính bài thuộc đã kinh nghiệm trong chiến cuộc hiện thời vì thuộc cần dùng đều sẵn có trong đây danh y Phò-tang :

a) Bất luận miền đã chiếm và chưa chiếm đều phải binh trú khắp, buộc quân chúng nó đều phải nạp khi-giới và thời ngũ, và đối dũa nó, mộ công binh, thu cả các Cơ quan giao thông cùng vận tải v.v. Đức đã ký đình chiến với Pháp mà lấy cơ quan hệ về Quân sự cùng thuộc-địa Pháp ở Phi-Châu bị xâm, thì ngọn cay

nghiệt (Bất cỏi khi giới), ở Đông-Dương những tấn kịch tàu lặn máy bay thỉnh thoảng phát hiện như muốn gia tội gì không thiếu chi chứng cứ. Đây là vị công phạt trong tề thuộc.

b) Gây dầu hoặc do người Việt tự động mà Hoàng-quân cùng đại biểu ngoại giao Nhật-Bản can thiệp đứng địa vị điều đình như tấn kịch xung-dột ở biên giới Đông-dương Thái-Lan nằm trên, do chỗ đó nhúng tay vào như « cầm cán búa đốn cán búa », nguyên tắc không xa. Đây là vị bỏ chính khu tà trong tề thuộc.

c) Chính phủ mới dưới chủ quyền quân chính-phủ sản sinh ra như chính-phủ Mãn-Châu, chính-phủ Nam-Kinh, đã có lệ trước. Song tình thế Việt-Nam đặc biệt, không giống hai gương nói trên.

Mãn-Châu đã tuyệt rồi mà dựng lại là khôi nước đã diệt mà nối nước đã dứt (hưng diệt kế tuyệt 興滅繼絕); Trung-Hoa còn có Chính-phủ Trung-Khánh kháng-chiến mà biệt lập ra Nam-Kinh Chính-phủ là đuổi kẻ nghịch mà giúp phe thuận (khư nghịch trợ thuận), 驅逆助順 đề mục vẫn đơn giản. Còn Việt-Nam một nước mất quyền đã lâu mà một giải Đông-dương, hiện ở dưới chủ quyền Hoàng-quân còn có 3 lớp chính-phủ: Chính-phủ VICHY, Chính-phủ Đông-Pháp và Chính-Phủ Việt-Nam. Việt-Nam không tham dự cuộc chiến tranh này, trên trường Quốc-tế ngoại-giao, cũng không có tư cách trung lập, mà có hai tầng thân thiện: Việt Pháp thân-thiện và Nhật-Bản Đông-dương thân-thiện, ở giữa trường hiệp « đỡ vàng đỡ trắng » « nửa Á nửa Âu », kẻ bị Giáp kéo người bị Ất lôi, lúc xoay bèn tả, lúc xoay bèn hữu, thành diễn ra cái hiện tượng quái lạ như cái mâm cát rời, không nhóm họp lại

thành một khối, cùng một vèn tơ rối không biết gỡ mỗi manh thế nào. Trước trường hợp như trên, nếu không trải qua một trận sấm rung gió day, quét trừ sạch sẽ thì chính-phủ tập quyền trung-ương chân chính không sao thực hiện được. Mà không có chính-phủ trung-ương tập quyền chân chính, thì nước Việt-Nam trong vùng thanh vờng chung Đại-Đông-Á mà gọi rằng «nội chính-trị tự trị» không có chỗ đứng chân. Bởi thế trên kia tôi nói về thuốc mạnh cũng như trong thơ của trưởng giả nói «Đánh dấu chấm cuối cùng trong đoạn sử Việt-Nam vong quốc», tức là thu hồi chủ quyền nội trị mà kiến thiết một nước Việt-Nam mới vậy.

Theo sở kiến của tôi, đối với vấn đề trọng đại này, những người chân chính ái-quốc trong nước cũng một số ít có tri thức vẫn nhận là sự hy sinh không thể tránh được, song chỉ gánh phần tá sự thôi còn vị thuốc dừng đầu trong về thuốc mạnh nói trên thì ngoài trưởng giả ra chưa có ai thay thế. Đương giữa thời-kỳ Đại-Đông-Á chiến-tranh này, như kế hoạch dự định của Trưởng-giả đã được Thượng-Quốc tán-trợ, Hoàng quân đồng tình và các nhà chính-trị ngoại giao, theo ở trong mà chủ trì mưu mô thắng toán đã có thực lực đi kèm ở sau, thì danh chính ngôn thuận, nên có tiếng gọi người mở đường đi trước, tức là lấy tư cách «Việt-Nam Phục Quốc đồng minh Hội Hội-Trưởng», tuyên bố lịch-sử «Phục quốc hội» cùng tôn-chỉ mục-dịch trên sử phương Đông gọi là «kẻ tội đến đánh» (thanh tội trí thảo 聲罪致討) cùng «ra quân có danh» (sư xuất hữu danh 師出有名) tức là lời thề lúc xuất sử và hịch quân lệnh.

ĐẠI-Ý. —

(Đoạn này cốt nói người Việt-Nam tự-dộng, nay ngày mồng 9 tháng 3 Hoàng quân Đại-Nhật-Bản làm thay cho cả nền hực trịch).

«Cuộc bang giao Pháp-Việt căn cứ theo hòa ước 1.884, «chính phủ Việt-Nam nhận nước Pháp làm nước Bảo-«hộ, có giao hảo với nước nào phải có nước Pháp đồng «ý, còn chủ quyền nội trị của nước Nam chính phủ «Pháp cũng tôn trọng không được xâm phạm đến... «Tờ hòa ước cùng ký, nét mực chưa ráo, người Pháp «đã không làm đúng theo lời ước lại trước tự ý dầy «vò đoạt cả chủ quyền nội trị của chính phủ Việt-Nam. «Tự dụng nhân hành chính, lập pháp lý tài, cho đến «trong dân gian, một sợi tơ, một hạt lúa, không cái «gì không can thiệp và tước đoạt. Chính phủ Việt-Nam «dưới quyền người Pháp, không hiểu quyền lợi được «hưởng đã định trong hòa ước là cái gì, cam lòng vứt «bỏ; tha hồ chúng muốn bỏ ai dặt ai tự ý, con cháu «Hồng-lạc, bằm như cá với thịt, đất nước chìm ngấm, «dân sinh khô héo, đến ngày nay dân cùng của hết, «cả nước kêu van, còn sống buổi mai không biết đến «buổi chiều, không biết theo đâu.

«Nước nhà gặp nạn, trời đất mở lòng, kẻ bất-tiểu «này, nhờ công gây dựng của tổ tông, ôm cái chí «nguyện nói giống cạnh tranh đường sống còn, đau «lòng như óc, lấy việc rửa cừu phục-quốc làm gánh «mình phần lo sợ, phần phấn khởi, trước đây 30 năm, «trận Nhật-Nga chiến tranh (1904) đã tin chắc Nhật-bồn «là nước tân tiến phương Đông, sẽ là vị an-nhân độc nhất «giải thoát cái khổ ách Âu, Mỹ cho các dân tộc da vàng «Á châu sau này; cùng một và bạn Đồng-Chí mạo-hiểm «vượt biển tểch mình sang tận nước Phò tang cầu cứu «viện và nhờ giúp quân khí, như Thần-Bao-Tư, tới nước «Sở, sang khóc sân Tần mà xin quân cứu viện. Trời «không dứt người, nhờ Thượng-quốc giúp đỡ một nhóm «quân Ấp-luân của vua Thiếu-Khương lo khỏi phục nền

« nhà Hạ (1), 3 ngàn quân Việt ở núi Côi-kê, thề quyết
« đánh úp nước Ngô mà trả thù (2), năm gai nếm mật
« sức chỉ chờ thời, nay đã 38 năm, trong ngoài ai nấy
« đều nghe biết.

« Nay thì, tội người Pháp đã đầy chuỗi, đạo trời có
« vay có trả, cuộc Âu chiến mở màn, quốc đờ Pháp
« PARIS bỏ ngõ, nước chúng nó không tự bảo được,
« còn ai bảo hộ ai? Đồng thời cuộc chiến tranh Á-Đông
« bùng ra, Thiên Hoàng một giận đứng dậy, Anh Mỹ bị
« xua đẩy, Hoàng quân đến đâu, lần lượt quét đến đấy.
« Nước Việt-Nam ta cùng các dân tộc da vàng Á châu
« ở trong vòng trật-tự mới, kẻ bất tiểu này, trên vì
« thần-linh tô-tôn, miếu xã dưới vì hai mươi triệu đồng
« bào, mừng rằng mình được làm một phần tử trọng
« yếu nước Việt-Nam trong vùng thanh vượng chung
« Đại-Đông-Á. Lấy Phi-châu thuộc địa Pháp làm gương
« (mở cửa rước quân Anh-Mỹ) không nở ngồi nhìn Tô-
« quốc chông theo dấu xe úp ấy, hiện phục quốc quân
« đã tổ chức, mài gươm chùi súng, chứa sức đã lâu,
« nay mai sẽ dong thẳng về nước, vì hai mươi triệu
« đồng bào tổ quốc hỏi tội người Pháp, tuyên cáo thế-
« giới, tiêu thủ Hòa-Uớc Pháp-Việt 1884, khôi phục
« chủ-quyền Việt-Nam độc-lập, xoay lòng trời theo ý
« dân, đổi nước cũ ra mạng mới, cùng nước Đại-Nhật.
« bản đế-quốc, đồng lòng hiệp sức với các dân tộc Đại-
« Đông-Á, chen vai thích cánh cùng nhau bước trên con
« đường độc nhất « vùng thanh vượng chung trật-tự mới
« Đại-Đông-Á ».

« Vì thế, nay có lời tuyên cáo này trong nước cả
« triều dã quan, dân, sĩ, thứ, Hoàng-tộc, giáo dân, công,
« thương, nông, binh, các giới, sớm rõ đại nghĩa, bỏ cũ
« toan mới, đuổi tà về chính, ai vì tổ quốc giúp sức, sẽ

« được ghi công tưởng lục. Bằng như chấp-mê không
« chịu giác ngộ, hùa kẻ nghịch làm điều ác, quân trời
« sẽ không dung thứ. Luật quân rất nghiêm minh, công
« thì thưởng, tội thì phạt không riêng tư ai. Hiện Pháp-
« kiêu các giới đã lương thiện, biết nhận điều ác của
« chính-phủ chúng nó đã thi-hành ở đây, ăn năn đổi
« lòng quy thuận, Phục-quốc-quân không thêm nhớ cái
« ác đã qua, xem như kiêu-dân khác, nên ai bội nghịch
« sẽ nghiêm trị không tha. Lời bố cáo này thấy đều
« nghe biết.

Than ôi! Trùng-Nhĩ ở ngoài 19 năm, số đã xấp
bội, nhà Hán gặp ách vận 6, 7 đời, nay đến thời trung-
hung. Chúng chỉ nên thành, dân mượn quạt kia che
bụi, lòng người xiêu về bóng sáng, chờ xem mặt nhật
lại trua.

x^x

Lời tuyên-cáo trên nếu được Thượng-quốc, các nhà
đương cuộc cùng đại biểu ngoại giao đồng ý, nhằm thời
nào thích đáng mới phát bố, hoặc thêm bớt hoặc trích
dịch ra Pháp-văn, Nhật-văn và đăng :

a) Báo Nhật-Bản, vì Thượng-quốc là trung-tâm tối
cao vùng tân trật tự Đại-dông-Á.

b) Báo Nam-kinh Trung-Hoa, vì giầy quan-hệ trên
lich-sử, cảm tình Hoa Việt rất đậm thắm.

c) Báo Thái-lan, vì đời Cao-Hoàng trung-hung, có
tình quan-hệ giữa Xiêm Việt, các công-thần Vọng-các,
quốc-sử ghi chép rõ ràng và Thái-Lan là nước tự chủ
láng giềng.

d) Hoặc trực-tiếp hay gián tiếp gửi cho chính phủ
Pháp Vichy.

e) Hoặc trực tiếp gửi cho chính-phủ Đông-Pháp và Nam-Triều.

g) Trong ngoài in truyền đơn tùy tiện phát bố.

(Nếu các chỗ trên đều phát bố một trật càng tốt).
Lời tuyên cáo trên sẽ có ảnh hưởng như dưới :

1) Sau lời cảnh cáo xem xét chúng nó ứng-phó thế nào dặng biết hành động của chúng.

2) Khêu gọi quan-niệm ghét kẻ cừu, nhớ nước cũ, tăng nhiệt độ ái-quốc lên.

3) Trong cách vô hình, ngấm ngấm xoay cái thành-kiến « khuyh tả » của một phái, chuyên chú tâm con mắt vào hiện cuộc Quốc-gia và Đại-Đông Á.

4) Bọn tránh hồ hiện trung với miếng cơm túi áo, biết có điều đáng lo ở sau lưng, có chỗ kiêng nê, không dám ngang dọc cả gan làm điều quá ác như trước.

Đến khi nhúng tay vào thì miền Nghệ-Tĩnh, Nam Ngãi là thích hợp, vì xứ sản xuất cách-mạng. Di-Dân ngoan với nhà Châu, trung với nhà Tống còn sót một ít, song hiện thời linh tinh rời rã, chưa có phần-tử trung kiên, tôi xin nói thực không dám che dối, e lằm đến việc nước.

Tôi vốn không phải chuyên nghề thầy thuốc, mà nói nghề thuốc, vẫn tự biết là vu-khoát, song đã tăng nghe câu nói của danh-nhân Tô-Đông-Pha :

« Tôi dặng lời nguy cũng như nhà danh y dùng thuốc, thuốc vẫn do tay thầy thuốc dặng lên, mà phương thuốc thường là tự người xưa truyền lại, nếu phương thuốc đã kinh nghiệm trên đời thì không cần là tự mình sáng chế ra ».

Đây là thuyết mánh tẽ của tôi vậy.

Vả chẳng muốn gieo giống lúa tốt, trước phải dầy đất cỏ ; muốn mở đường lớn, trước phải dọn dẹp gai gốc, mà muốn cho có đứa con tốt, lẽ cố nhiên là không sao tránh cơn sanh đẻ đau khổ. Xưa nay phạm cuộc đời cũ thay mới mà dung dưỡng kẻ gian làm lối lầy lắt, phục quốc một cách dễ-dàng, thường để lại lằm chuyện rắc rối về sau, cái đó không lạ gì, chỉ vì gây cái nhân « bất, triệt, đê », nên hưởng cái quả « bất, triệt, đê » đấy thôi. Bởi vậy nên nói « nội chánh tự trị » không thể trông mong vào « hiện trạng Việt-Nam » ngày nay. Tôi đã trông trước xem sau, nghĩ kỹ xét cùng mà sau mới bày tỏ, chứ không phải là lời cao luận đầu.

Tuy vậy, phạm việc gì cũng cần phải có thực lực chớ không phải đem tiếng trống suông mà làm dặng : kia chúng nó thủ đoạn đã cao cường xảo quyết và có những cái-thế quyền lực sẵn có, quỹ kế sẽ thò ra lung tung, hoặc dùng cách che lấp theo ngọn sở trường mượn cờ « trung cầu dân ý » (hiện dân Việt-Nam, vì nhiều cờ chưa có thể phát-biểu công-ý được, nếu người Pháp yêu-cầu như thế nên cự tuyệt và bác khước hẳn đi, không thì trúng phải mưu lừa phỉnh của chúng), hoặc niết tạo ra cái giả diện bề ngoài « nhiều loạn trong nước », dặng tỏ rằng không chúng nó thì không có dân áp mỗi loạn, để làm cho phần đông nghe thấy sanh ra lằm lặc, đại khái như :

a) Linh tập với binh-dân xung đột nhau.

b) Biên giới Man Lào cùng miền các đất mọi rục rịch khuấy rối.

c) Bọn tránh hồ cùng quân vô lại ngấm ngấm ở trong xui dục.

d) Trộm cướp kiếp lược trong hương thôn v.v...

Những mối nhiễu loạn nói trên, ở đâu cũng có thể dõc sử gây ra tấn kịch rắc rối. Bởi thế nên «bắt chúng nó lột khi giới cùng «đặt hiến-binh nhiều nơi» là nước cờ trước tiên, không thể thiếu được.

(1) Nhà Hạ bị Hậu-Nghê cướp nước, vua Thiệu-Khương nương một ấp nhỏ nhỏ mà phục quốc.

(2) Nước Việt bị nước Ngô chinh-phục, Câu-Tiền nương náu ở Côi-Kê, sau diệt Ngô trả thù.



Bước đầu tiên trong cuộc nội chính-trị.

Nước Việt-Nam được độc-lập ở dưới chủ-quyền chân chính thì nước cũ mạng mới, cần gương Thái-A ở Tây, ẩn duổi bùa di, đại cương kiến thiết, đã có chương trình «tân trật-tự» Đại-Đông-Á mà Thượng-quốc đã dự trù, tùy tài thích dụng, chiếm chỗ đặt đã, hướng-đạo-sư do Phù-Tang đào tạo lâu nay, há không phải đã tính đến ngày nay sao? Nên tôi không dám bàn phiếm. Duy phần chính đốn nội-chính, cùng bước đầu thu phục nhân tâm thì trên lịch sử phương Đông có vài cái gương đời trước đáng làm gương cho việc sau:

1^o) Trừ hà-pháp nhà Tần cùng dân ước pháp 3 điều (trừ hà-pháp ước-pháp tam chương 除苛法約法三章)

(1) (Đây là nước cờ Hán-Cao-Tổ diệt nhà Tần, dựng nghiệp nhà Hán).

2^o) Làm trái ngược lại (phản kỳ sở vi 反其所爲)

(2) (Đây là nước cờ rất ôn hòa diệt Hạng-Võ lấy phần thắng cho Cao-Tổ. Lời khuyên của Hàn-Tin.

Trên là vài tân chính khởi đầu, lấy đơn giản thay pháp luật phiền phức, lấy chân chính đổi ngược chính, ở giữa thâm ách «lửa hồng nước ngập» mà được cái chân chính «cởi giày treo ngược» thì cá dưa về vục, chim chui về rừng, tự nhiên có cái xu thế không vờ mà đến, sấm sét mưa móc, đều day vào trong ấy, mù sầu khói thắm, trở hóa ra ngày sáng mây mù; đã làm một phần tử trong vùng thanh vượng chung Đại-Đông-Á, dầu có mưa dầm gió đập, thượng quốc Phù-Tang, có dễ nước Việt-Nam ra ngoài nhà lớn che chở ấy sao.

(1) 3 điều giết người phạm tử hình, làm người bị thương và trộm cướp bị tù tội.

(2) Khuyên Cao-Tổ làm trái chính sách của Hạng-Võ.

X. — TÔNG KẾT

Nói đã quá dài, rơm rác đầy trên mặt giấy, thầy là điều trên và mười năm nay, tai nghe mắt thấy, ghi nhớ trong não, cùng do hoàn cảnh tiếp xúc, suy nghiệm và trực giác mà góp nhặt, tạp nhạp lộn xộn, không có mấy may lỉnh chắt khoa-học, càng kéo càng dài mà tờ tâm còn nhiều mối chưa nhả hết. Cầm bút đến đây sức nhớ Cụ Sào-Nam lúc mới đáp chân trên đất Nhật-Bản (1906), có một ít văn-kiện quan-yếu, lược trích vài câu, thay lời tông kết:

10) « Rời đất một tiếng khóc đã từng biết nhau, mắt đọc sách mười năm thành nhà thông gia (lạc địa nhất thanh khóc tiện dĩ tương tri, độc thư thập niên nhãn loại thành thông gia 落地一聲哭便已相知; 讀書十年眼遂成通家。)

Lúc mới đến Hoành-Tân, đưa danh-thiếp cùng bức thư cho Lương-khải-Siêu Âm-Băng tiên-sinh (danh nhân Trung-Hoa, sau cuộc « Mậu-tuất chính biến » sang Nhật-Bản làm chủ Tân-Dân Tùng-báo), nhờ Lương giới thiệu với các nhà yếu nhân đương đạo Nhật-Bản, trên là một câu thống thiết trong bức thư đưa cho Lương.

20) Chim con mất ổ, khách qua đường thấy mà nâng niu, trẻ con té giếng, người trông thấy ra tay cứu vớt; huống 20 triệu đồng giống đương khát khao chờ trông kia (sở diều thất sào, hàn giả vị chi noãn dục, nhũ tử nhập tỉnh, kiến giả vị chi thủ viên, huống nhị thập triệu ngao ngao dãi bỏ chi đồng chủng tại! 雛鳥失巢行者爲之卵翼, 孺子入井, 見者爲之手援, 况二十兆嗷嗷待哺之同種哉!)

Trên là câu mở đầu bức thư dâng lên Bá-tước Đại-Ôi Trưng-Tin thủ-lãnh chính đảng và nguyên-huân Nhật-Bản. Câu ấy tỏ tình cấp bức, cả tiếng kêu cứu vội gấp không chờ đợi lâu được và nước mắt cũng tuôn theo tiếng kêu. . .

30) « Qua rồi có lại, đạo đời đương giữa bĩ hết thái sang, co mãi phải buông, lòng người cảm cả quyền thời trời lợi đất (vô vãng bất phục, thế đạo đương bĩ chung hái thi chi xung, hữu khuất tất thân, nhân tâm ốc địa lợi thiên thời chi bĩ 無往不復, 世道當否終泰始之衡; 有屈必伸, 人心握地利天時之柄) .

Câu mở đầu nói đại cuộc thời thế.

40) Thịt dút miệng tham, quả hùm beo kia nào chán; lửa lan nhà lớn, e bầy sẽ hầu bị thiêu (nhục hạm hung hào, quả sài lang chi nan yêm; hỏa diên đại hạ, bi yển tước chi tương phàn 肉啗凶饕, 果豺狼之難厭; 火延大厦, 悲燕雀之將焚).

Câu này tả tình trạng nguy khốn trong nước.

50) Rửa cái nhục năm mươi năm nô-lệ, đừng để nhóp trên sử xanh; dựng cái nền muôn ức thuở thăng bình, chỉ tin cậy nhau nơi lòng đỏ (lây ngũ thập niên nô-lệ chi tu, vô ô thanh sử; tạo ức vạn thế thăng bình chi nghiệp, sở thị xích tâm 洗五十年奴隸之羞, 無污青史; 造億萬世界平之業, 所持赤心).

Trên là câu kết khuyên người trong nước.

Trên trích trong bài «Kính cáo quốc dân» (năm-1906), câu giữa và câu kết 3 câu.

Ba buổi mai ngày xuân xin chúc phúc lành (1) (Tam triều cốc đán, kính chúc hường hy 三朝穀旦, 敬祝鴻禧).

(1) Thơ này viết xong và gửi vào ngày 1 tháng 1 năm Quý Vị (5 tháng 2 dương lịch năm 1943), ngày ấy người xưa gọi là ba cái buổi mai sớm: buổi sớm ngày, buổi sớm tháng và buổi sớm năm, nghĩa là ngày mới tháng mới năm mới.



LỜI BẠT

Bức thơ này nguyên thảo bằng chữ Hán, viết xong và gửi tại ngày 1 tháng 1 năm Quý-Vị Âm-lịch (5-2-43) trước Tiếng Dân bị đình bản gần 3 tháng (28-4-43) và trước cuộc đảo chính (9-3-45) trên hai năm.

Trong hai năm đó, đối với thời-cuộc, tôi có cái nghĩa-ụu nghiêm giữ bí-mật, chưa tiện công-bố. Nay thời-cuộc thay đổi mau chóng (1), tháng khác mà năm cũng không đồng. Đồng-nhân nhà in TIẾNG-DÂN cùng một và bạn tương tri, khuyên tôi dịch bức thơ này ra quốc-văn đăng ấn-hành, lưu tẩm ảnh phản chiếu về thời-kỳ ấy và cung một món tài liệu cho nhà sử ngày sau.

Nếu ý các bạn nói trên, tôi tự xét đời sống sót sau vận kiếp này, không làm gì bổ ích cho đời, chỉ lựa cái trách-nhiệm còn con là nhà học-già đối với quốc-dân, không dám không gắng. Và chẳng, có bức thơ này với trạng-thái trăm-muộn trong thời kỳ hai năm trước cuộc đảo-chính, có thể bỏ một vài chỗ thiếu cho bức thơ trả lời chung (2) mới công-bố đây.

Vì có nói trên nên tôi cho phép nhà in TIẾNG-DÂN ấn hành (3).

Biết tôi chẳng? Hay tội tôi chẳng? Người sau tự

có tâm nhân, tôi không thể biết chỗ đó. Chỉ mong bạn đọc xác nhận bức thư này thuộc về thời dĩ-vãng, không phải chỉ vào hiện-tại và tương-lai, thế là đủ.

Thuận-Hóa ngày 16 tháng 6 năm 1945
MÍNH-VIÊN lai ghi

(1) Tức cuộc đảo chính 9-3-45.

(2) Sau cuộc đảo chính Nhật ở Đông-Dương ngày 9-3-45, Cụ Huỳnh Minh-Viên vẫn giữ thái-độ bình tĩnh, lại không nhận lời mời của người Nhật và chính-phủ đương thời ra tổ-chức Nội-các, nên anh em xa gần khó hiểu thái-độ Cụ đối với thời-cuộc, hằng ngày có không biết bao người tới nhà riêng Cụ hỏi dò ý-kiến, khiến Cụ không thể trả lời riêng từng người một, phải có « Bức hơ trả lời chung » hay là « Ý-kiến tôi đối với thời-cuộc ». Sau đó nhà in TIẾNG-DÂN có xuất-bản đề là « Ý-kiến Cụ Huỳnh-thúc-Kháng đối với thời-cuộc ».

(3) Năm 1946, nhà in Tiếng-Dân có lấy một đoạn trong bức thư này in thành sách.

KHÔNG - HỌC - ĐĂNG

孔 學 燈

BỘ SÁCH MỌI NGƯỜI

TRÔNG ĐỢI ĐÃ CÓ

Khổ 16 × 22

Đặc biệt 400\$00

Thường 300\$00

(ở xa thêm cước phí)

Sách do Bác Sĩ Hà Ngọc Thuận
QY13HD, Úc Châu 17 Feb 2015
biểu Quán Ven Đường